

**TÓM TẮT HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI
VIỆT NAM - HOA KỲ**

**Summary
of the
Agreement Between
the U.S. and Vietnam on Trade Relations**

Ngày 13 tháng 7 năm 2000, Việt Nam và Hoa Kỳ đã ký Hiệp định Thương mại song phương. Hiệp định chính thức có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2001.

On July 13, 2000, Vietnam and the U.S. signed a landmark Bilateral Trade Agreement. The Agreement entered into force on December 10, 2001.

**Bộ Thương Mại
Việt Nam**
MINISTRY OF TRADE



Tóm tắt Hiệp định do nhóm Luật sư Quốc tế thuộc Văn phòng Luật Sidley Austin Brown & Wood LLP, trước đây thuộc Powell, Goldstein, Frazer & Murphy LLP, và Diễn đàn Giáo dục của Hội Đồng Thương Mại Việt - Mỹ triển khai thực hiện. Dự án xây dựng bản Tóm tắt này được hoàn thành với sự hỗ trợ và đóng góp to lớn từ phí a Bộ Thương Mại Việt Nam, Cơ quan Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) và Đại Sứ quán Hoa Kỳ tại Hà nội. Bản tóm tắt này được sự tài trợ của Quỹ Atlantic Philanthropies, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Thành viên của Diễn đàn là Hội đồng Thương Mại Việt- Mỹ.

Tài liệu này là bản tóm tắt và là bản dịch không chính thức các điều khoản chính yếu của Hiệp định, không bao hàm tất cả các cam kết trong Hiệp định. Để hiểu chi tiết hơn, xin đề nghị xem bản Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ nguyên bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt

This Summary was developed by the international legal team now at Sidley Austin Brown & Wood LLP, formerly with Powell, Goldstein, Frazer & Murphy LLP, and the U.S.-Vietnam Trade Council Education Forum. Invaluable assistance and contribution has been provided by the Ministry of Trade and the Office of the U.S. Trade Representative (USTR) and the U.S. Embassy in Hanoi towards the completion of this project. Funding for the Summary has been provided by The Atlantic Philanthropies, U.S. Agency for International Development (USAID), and the Forum's affiliate, the U.S.-Vietnam Trade Council.

The document is an unofficial summary and translation of key provisions of the BTA and does not attempt to cover all commitments in the agreement. While every effort has been made to ensure accuracy, please refer to the original English and Vietnamese text of the BTA for further details.

*The
ATLANTIC
Philanthropies*



LỜI GIỚI THIỆU

Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ lịch sử được ký kết ngày 13 tháng 7 năm 2000 và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2001. Hiệp định được hai bên đánh giá là đảm bảo nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi cho cả hai phía Việt Nam và Hoa Kỳ.

Hiệp định Thương mại song phương được đàm phán và ký kết cơ bản dựa trên những nguyên tắc, quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và trong đó có nhiều quy phạm pháp lý và kỹ thuật còn mới mẻ đối với Việt Nam. Bản Tóm tắt sẽ trợ giúp các doanh nghiệp Việt Nam và Hoa Kỳ có mong muốn hiểu biết kỹ về bản Hiệp định Thương mại.

Với sự giúp đỡ của Đại Sứ Quán Hoa Kỳ tại Hà Nội và Ngài Đại sứ Pete Peterson, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ, Hàng Thông tấn Hoa Kỳ, các Công ty Mỹ, Hội đồng Thương mại Việt - Mỹ đã cung cấp sự hỗ trợ to lớn về mặt kỹ thuật trong quá trình đàm phán Hiệp định Thương mại song phương. Tôi muốn trân trọng gửi lời cảm ơn tới bà Virginia Foote - Chủ tịch, Hội đồng Thương mại Việt-Mỹ và ông Daniel Price - Luật sư, Văn phòng luật Sidley Austin Brown & Wood LLP đối với những hiểu biết thấu đáo mà họ đã đóng góp về mặt kỹ thuật cho Hiệp định.

Mặc dù, tài liệu này chỉ là bản tóm tắt của Hiệp định Thương mại, song tôi hy vọng đây sẽ là bước đầu giúp các bạn hiểu những quy định cơ bản của Hiệp định.

JOSEPH M. DAMOND

Board Member, U.S.-Vietnam Trade Council
U.S. Chief Negotiator
U.S.-Vietnam Bilateral Trade Agreement

NGUYEN DINH LUONG

Assistant to Minister of Trade
Vietnam Chief Negotiator
U.S.-Vietnam Bilateral Trade Agreement

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. THƯƠNG MẠI HÀNG HOÁ.....	0
KHÁI QUÁT	1
CÁC NGUYÊN TẮC VÀ NGHĨA VỤ	1
Đối xử tối huệ quốc (MFN).....	1
Đối xử quốc gia	1
Hàng rào phi thuế quan	2
Định giá và phí hải quan.....	2
Giảm thuế quan	3
Tư vệ trong trường hợp khẩn cấp	3
Tranh chấp thương mại.....	3
Thương mại Nhà nước	3
CHƯƠNG II - QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ	4
KHÁI QUÁT	4
CÁC NGHĨA VỤ VÀ NGUYÊN TẮC	4
Các nghĩa vụ chung.....	4
Tín hiệu về tinh mang chương trình được mã hoá	5
Nhãn hiệu hàng hoá.....	5
Sáng chế	5
Thiết kế bối trí mạch tích hợp	6
Thông tin bí mật/Bí mật thương mại	7
Kiểu dáng công nghiệp	7
Thực thi	7
LỘ TRÌNH	8
Việt Nam	8
Hoa Kỳ	8
Áp dụng vào luật pháp trong nước	8
CHƯƠNG III - THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ.....	9
KHÁI QUÁT	9
THOÁI THUẬN CƠ BẢN	9
Phạm vi	9

CÁC NGUYÊN TẮC VÀ NGHĨA VỤ	9
<i>Miêu tả chung về các nghĩa vụ.....</i>	9
<i>Lộ trình cam kết của Hoa Kỳ</i>	10
<i>Lộ trình cam kết của Việt Nam</i>	11
CHƯƠNG IV- PHÁT TRIỂN QUAN HỆ ĐẦU TƯ (VÀ CÁC QUI ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ)	20
KHÁI QUÁT	20
CÁC NGHĨA VỤ VÀ NGUYÊN TẮC	20
<i>Các khoản đầu tư được bảo hộ.....</i>	20
<i>Đối xử quốc gia và đối xử Tối huệ quốc.....</i>	20
<i>Tiêu chuẩn chung về đối xử.....</i>	20
<i>Giải quyết tranh chấp.....</i>	21
<i>Chuyển giao công nghệ</i>	21
<i>Nhập cảnh, tạm trú và tuyển dụng người nước ngoài</i>	21
<i>Bảo lưu các quyền</i>	21
<i>Tước quyền sở hữu và bồi thường thiệt hại.....</i>	21
<i>Các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại.....</i>	22
<i>Chuyển tiền</i>	22
CÁC BẢO LUU CỦA VIỆT NAM	22
<i>Các bảo lưu về lĩnh vực đối với nghĩa vụ đối xử quốc gia.....</i>	22
<i>Các bảo lưu về đối xử quốc gia đối với các biện pháp yêu cầu phát triển nguyên liệu trong nước</i>	23
<i>Bảo lưu về đối xử quốc gia đối với các biện pháp yêu cầu xuất khẩu</i>	23
<i>Các yêu cầu về vốn góp.....</i>	23
<i>Tổ chức và quản lý liên doanh</i>	23
<i>Giá và phí một số hàng hoá và dịch vụ do Nhà nước quản lý.....</i>	23
<i>Trợ cấp và hỗ trợ của Chính phủ</i>	24
<i>Sở hữu, sử dụng đất đai và nhà ở</i>	24
<i>Chế độ thẩm định cấp giấy phép đầu tư.....</i>	24
<i>Chế độ đăng ký cấp giấy phép đầu tư.....</i>	24
<i>Đơn xin cấp giấy phép đầu tư.....</i>	24
CÁC BẢO LUU CỦA HOA KỲ	25
CÁC QUI ĐỊNH KHÁC	25
CHƯƠNG V- TẠO THUẬN LỢI CHO KINH DOANH	26
KHÁI QUÁT	26
CÁC NGUYÊN TẮC VÀ NGHĨA VỤ	26

<i>Quyền nhập khẩu các thiết bị văn phòng để sử dụng</i>	26
<i>Tiếp cận nơi làm việc và nơi ở</i>	26
<i>Quyền thuê các đại lý, nhà tư vấn và phân phối</i>	26
<i>Quyền quảng cáo các sản phẩm và dịch vụ</i>	26
<i>Liên hệ và bán trực tiếp</i>	26
<i>Nghiên cứu thị trường</i>	26
<i>Dự trữ hàng mẫu và phụ tùng thay thế</i>	27
<i>Tiếp cận một cách không phân biệt đối xử các sản phẩm và dịch vụ do Chính phủ cung cấp</i>	27
<i>Không phân biệt đối xử</i>	27
<i>Việc áp dụng với các Chương khác</i>	27
 CHƯƠNG VI- CÁC QUI ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN TÍ NH MINH BẠCH, CÔNG KHAI VÀ QUYỀN KHIẾU KIỆN.	 28
 KHÁI QUÁT	 28
 CÁC NGUYÊN TẮC VÀ NGHĨA VỤ	 28
<i>Công bố các luật, qui định và thủ tục hành chính.....</i>	28
<i>Tiếp cận các dữ liệu kinh tế, thương mại và các dữ liệu khác</i>	28
<i>Đóng góp ý kiến của công chúng</i>	28
<i>Đăng các luật chưa được công bố</i>	28
<i>Chỉ định tạp chí chính thức</i>	28
<i>Điều hành</i>	29
<i>Xem xét lại về hành chính và quyền khiếu kiện</i>	29
<i>Các thủ tục cấp phép nhập khẩu</i>	29
 CHƯƠNG VII- NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG	 30
 KHÁI QUÁT	 30
 CÁC NGUYÊN TẮC VÀ NGHĨA VỤ	 30
<i>Các giao dịch và chuyển tiền qua biên giới</i>	30
<i>An ninh quốc gia</i>	30
<i>Các ngoại lệ chung</i>	30
<i>Thuế</i>	30
<i>Tham vấn</i>	31
<i>Xử lý trong trường hợp xung đột</i>	31
<i>Các Phụ lục, Bảng cam kết, và Thư về Cấp phép Đầu tư</i>	31
<i>Điều khoản cuối cùng, Hiệu lực, Thời hạn, Đinh chỉ, và Kết thúc</i>	31

CHƯƠNG I. THƯƠNG MẠI HÀNG HOÁ

KHÁ QUÁT

Hiệp định này theo sát những nghĩa vụ của các thành viên WTO liên quan đến những hàng rào thuế quan và phi thuế quan đối với thương mại hàng hoá nhằm mở rộng và thúc đẩy tự do hoá thương mại hàng hoá.

CÁC NGUYÊN TẮC VÀ NGHĨA VỤ

Đối xử tối huệ quốc (MFN) [Chương I, Điều 1]

Việt Nam và Hoa Kỳ thoả thuận dành cho nhau đối xử Tối huệ quốc (MFN). Điều này có nghĩa là các Bên sẽ dành cho hàng hoá của nhau sự đối xử tương tự sự đối xử họ dành cho hàng hoá tương tự do các nước khác sản xuất. Ví dụ, nếu một nước thứ ba đàm phán một dòng thuế với Việt Nam với mức thuế thấp hơn mức đã được quy định trong Hiệp định, thì đối xử Tối huệ quốc (MFN) sẽ dành cho các đơn vị kinh doanh Hoa Kỳ quyền được nhập khẩu với mức thuế thấp hơn đó. Do đó, việc Hiệp định đi vào hiệu lực và dành cho nhau quy chế Tối huệ quốc sẽ tự do hoá một cách đáng kể thương mại giữa hai nước. Các ngoại lệ đối với Quy chế Tối huệ quốc (MFN) bao gồm sự đối xử đặc biệt với các nước trong khu vực mậu dịch tự do như AFTA hoặc NAFTA và thủ tục đặc biệt đối với Thương mại biên giới. [Điều 1.3(A) và 1.3(B)]

Đối xử quốc gia [Chương I, Điều 2]

Hiệp định yêu cầu Việt Nam và Hoa Kỳ dành đối xử quốc gia cho hàng nhập khẩu của nhau. Điều này có nghĩa là Việt Nam và Hoa Kỳ thoả thuận dành cho hàng hoá nhập khẩu của nhau sự đối xử tương tự hoặc không kém phần thuận lợi hơn đối với hàng hoá tương tự do công dân nước mình sản xuất. Trong một số trường hợp, chẳng hạn như để bảo vệ môi trường hoặc an ninh quốc gia, các Bên có quyền không áp dụng nguyên tắc đối xử quốc gia. Nghĩa vụ đối xử quốc gia bao gồm những vấn đề sau:

Thuế - Thuế và phí nội địa sẽ không được đánh vào hàng hoá nhập khẩu từ Bên kia cao hơn mức đánh vào sản phẩm tương tự trong nước. [Điều 2.2]

Ví dụ: Nếu nhà sản xuất trong nước được miễn nộp một loại thuế nhất định thì nhà sản xuất nước ngoài cũng được hưởng sự miễn nộp đó.

Luật trong nước - Sản phẩm nhập khẩu từ Bên kia được hưởng sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử đối với sản phẩm tương tự trong nước theo luật trong nước liên quan đến việc bán, mua, vận chuyển, phân phối, lưu kho hoặc sử dụng những hàng hoá đó. [Điều 2.3]

Ví dụ: Một Bên không thể ngăn cản bia nhập khẩu được bán ở những nơi có bán bia trong nước.

Các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật - Các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật không được sử dụng để gây ra những cản trở đối với thương mại hoặc để bảo hộ sản xuất trong nước, và phải được áp dụng theo cách để hàng nhập khẩu nhận được sự đối xử tương tự hoặc tốt hơn đối với hàng hoá tương tự trong nước. [Điều 2.6]

Ví dụ: Một Bên không thể yêu cầu giám thép nhập khẩu phải thoả mãn những thử nghiệm cao hơn giám thép sản xuất trong nước.

Những biện pháp vệ sinh và vệ sinh thực vật chỉ được áp dụng khi cần thiết để bảo vệ sức khoẻ và đời sống con người, động vật và thực vật, và phải dựa trên những nguyên lý khoa học được hỗ trợ bởi những bằng chứng khoa học đầy đủ và đánh giá được mức độ rủi ro. [Điều 2.6(A)]

Ví dụ: Một Bên có thể áp dụng biện pháp hạn chế nhập khẩu hoa quả được phun thuốc trừ sâu khi có đủ cơ sở khoa học chứng minh là thuốc trừ sâu đó gây ra bệnh ung thư, và nguy cơ mắc bệnh ung thư đó là khá cao khi ăn sản phẩm đó.

Các tiêu chuẩn yêu cầu về môi trường, an ninh quốc gia, hoặc để ngăn ngừa những hành vi lừa đảo có thể là chính đáng miễn là các tiêu chuẩn này không được hình thành hoặc áp dụng để hạn chế thương mại hơn mức cần thiết. [Điều 2.6(B)]

Ví dụ: Một Bên có thể áp dụng những yêu cầu về dán nhãn hàng hoá trong đó có yêu cầu nhà sản xuất tiết lộ tên người chế tạo ra sản phẩm đó.

Quyền kinh doanh - Các Bên thoả thuận dành quyền kinh doanh cho công ty và công dân của Bên kia sau khi Hiệp định có hiệu lực. Việt Nam đồng ý dành những quyền này theo lộ trình như sau: [Điều 7]

- **Ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực:** Tất cả các công ty trong nước sẽ được phép kinh doanh xuất nhập khẩu đối với hầu hết các sản phẩm ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực. Những doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của công dân hoặc công ty Hoa Kỳ cũng được nhập khẩu hàng hoá sử dụng cho hoạt động sản xuất hoặc xuất khẩu của công ty đó cho dù các sản phẩm nhập khẩu đó có được xác định cụ thể trong giấy phép đầu tư ban đầu của họ hay không. [Điều 7(A) và Điều 7(B)] Quyền kinh doanh xuất nhập khẩu đối với một số hàng hoá sẽ được áp dụng từng bước theo qui định trong những phụ lục khác nhau của Hiệp định. [Phụ lục B và Phụ lục C]

- **Ba năm sau khi Hiệp định có hiệu lực:** 3 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của công dân hoặc công ty Hoa Kỳ vào các lĩnh vực sản xuất và chế tạo được kinh doanh xuất nhập khẩu. [Điều 7(C)] Các công dân và công ty Hoa Kỳ cũng được phép tham gia liên doanh với các đối tác Việt Nam để kinh doanh xuất nhập khẩu tất cả các loại sản phẩm với điều kiện là đối tác Hoa Kỳ nắm giữ không quá 49% vốn pháp định trong liên doanh. Hạn chế về quyền sở hữu này sẽ lên 51%, 6 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực. Quyền kinh doanh xuất nhập khẩu một số mặt hàng tiếp tục bị hạn chế, hoặc được thực hiện từng bước như qui định trong các phụ lục khác nhau của Hiệp định. [Điều 7(D)]

- **Bảy năm sau khi Hiệp định có hiệu lực:** 7 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, các công ty Hoa Kỳ có thể thành lập công ty thương mại 100% vốn ở Việt Nam và vẫn phải chịu sự điều chỉnh theo những ngoại lệ đối với một số mặt hàng được áp dụng từng bước như được nêu trong các phụ lục của Hiệp định. [Điều 7(E)]

Hàng rào phi thuế quan [Chương I, Điều 3]

Hiệp định yêu cầu các Bên loại bỏ tất cả các hàng rào phi thuế quan, bao gồm những hạn chế về xuất nhập khẩu, hạn ngạch, yêu cầu cấp phép, và kiểm soát đối với tất cả các chủng loại hàng hoá và dịch vụ trong thời gian từ 3 đến 7 năm, tùy theo từng sản phẩm. [Điều 3.1 và 3.2]

Định giá và phí hải quan [Chương I, Điều 3]

Hai Bên thoả thuận rằng lệ phí hành chính liên quan đến việc nhập khẩu hoặc xuất khẩu một hàng hoá, không được vượt quá chi phí dịch vụ thực tế được thực hiện. [Điều 3.3]

Ngoài ra, các Bên thoả thuận rằng trong vòng 2 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực việc định giá hải quan đối với hàng nhập khẩu sẽ tuân theo những tiêu chuẩn được quy định tại Hiệp định về định giá hải quan của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Các quy tắc về định giá hải quan xác định trị giá hàng hoá nhập khẩu là bao nhiêu để áp dụng những quy định hải quan và thuế quan. [Điều 3.4 và 3.5]

Giảm thuế quan [Chương I, Điều 3.6 và Phụ lục E]

Thuế đối với một số mặt hàng Hoa Kỳ nhập khẩu vào Việt Nam được cắt giảm trong thời gian 3 năm. Mức giảm trung bình là từ 1/3 đến 1/2.

Tự vệ trong trường hợp khẩn cấp [Chương I, Điều 6]

Các Bên đồng ý sự tham vấn về rối loạn thị trường có thể xảy ra do gia tăng nhanh chóng nhập khẩu hàng hoá tương tự từ Bên kia khi sự gia tăng đó là nguyên nhân đáng kể gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại về vật chất đối với ngành sản xuất trong nước. [Điều 6.1] Trong trường hợp các Bên không thể đưa ra biện pháp khắc phục thông qua tham vấn, Hiệp định cho phép một Bên bảo vệ ngành sản xuất trong nước bằng cách áp dụng cái gọi là các biện pháp tự vệ đối với hàng nhập khẩu, dưới hình thức hạn chế số lượng, tăng thuế hoặc những hạn chế khác để chống lại sự rối loạn thị trường. Bên có hàng nhập khẩu bị ảnh hưởng bởi biện pháp tự vệ được phép đình chỉ nghĩa vụ của mình theo Hiệp định với giá trị thương mại cơ bản tương đương. [Điều 6.2] Hiệp định này không hạn chế bất cứ Bên nào áp dụng pháp luật và các quy định của mình đối với thương mại không lành mạnh, kể cả các đạo luật chống phá giá và luật thuế đối kháng. [Điều 6.4]

Tranh chấp Thương mại [Chương I, Điều 7]

Hiệp định này bao hàm các điều khoản quan trọng đối với việc giải quyết các tranh chấp trong giao dịch thương mại, đảm bảo sự tiếp cận các tòa án và cơ quan chính quyền một cách không phân biệt đối xử, khuyến khích giải quyết tranh chấp bằng trọng tài theo những điều luật quốc tế đã được công nhận, và quy định việc cưỡng chế thi hành các phán quyết của trọng tài.

Thương mại Nhà nước [Chương I, Điều 8]

Hiệp định cho phép các Bên duy trì những doanh nghiệp thương mại nhà nước và dành cho những doanh nghiệp đó những ưu đãi tuyệt đối hoặc đặc biệt để xuất hoặc nhập khẩu những sản phẩm được nêu trong một Phụ lục riêng của Hiệp định. Tuy nhiên, những doanh nghiệp nhà nước này phải tuân thủ các nguyên tắc không phân biệt đối xử của Hiệp định trong việc mua và bán hàng hoá nhập khẩu hoặc xuất khẩu của mình. [Điều 8.1] Điều này có nghĩa là họ phải thực hiện việc mua và bán hoàn toàn dựa trên những cân nhắc về thương mại [Điều 8.2].

CHƯƠNG II . QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

KHÁ QUÁT

Chương về quyền sở hữu trí tuệ trong Hiệp định được xây dựng trên mô hình của Hiệp định về những Khía cạnh Liên quan đến Thương mại của Quyền Sở hữu Trí tuệ của WTO (Hiệp định TRIPS) và bao gồm những tiêu chuẩn tối thiểu đối với việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm, cùng với những vấn đề khác, sáng chế, nhãn hiệu hàng hoá và quyền tác giả. Trong nhiều trường hợp, Chương này phản ánh những thay đổi về các tiêu chuẩn của sở hữu trí tuệ trên thế giới diễn ra kể từ khi Hiệp định TRIPS được ký kết. Tuy vậy, Chương này không sao chép lại tất cả các nghĩa vụ trong Hiệp định TRIPS.

CÁC NGHĨA VỤ VÀ NGUYÊN TẮC

Các nghĩa vụ chung [Chương II, Điều 1 và Điều 3]

Khả năng áp dụng những Hiệp định khác [Điều 1] Giống như Hiệp định TRIPS, Hiệp định này yêu cầu các Bên tuân thủ những quy định cơ bản của Công ước Paris về Bảo hộ Sở hữu Công nghiệp và Công ước Berne về Bảo hộ Tác phẩm Văn học và Nghệ thuật. Ngoài ra, các Bên cũng phải tuân thủ những quy định kinh tế cơ bản của Công ước Geneva về Bảo hộ Người sản xuất Bản ghi âm Chống lại Sự sao chép Trái phép, Công ước quốc tế về Bảo hộ Giống thực vật mới (UPOV) và Công ước Liên quan đến việc Phân phối Tín hiệu Mang Chương trình Truyền qua Vệ tinh (Brussels). Nếu các Bên chưa tham gia các Công ước này thì phải nỗ lực tham gia một cách nhanh chóng. [Điều 1.3]

Đối xử quốc gia [Điều 3] - Các Bên thoả thuận đối xử với công dân của Bên kia tương tự hoặc tốt hơn sự đối xử dành cho công dân nước mình liên quan đến việc xác lập, bảo hộ, hưởng và thực thi các quyền về sở hữu trí tuệ, trừ một số trường hợp nhất định. [Điều 3.1] Tuy vậy, khác với Hiệp định TRIPS các Bên không phải dành đối xử Tối huệ quốc đối với những nghĩa vụ trong Chương này. Do đó, Việt Nam có thể dành cho những người chủ quyền sở hữu trí tuệ từ các nước thứ ba sự bảo hộ cao hơn sự bảo hộ Việt Nam dành cho những người chủ sở hữu trí tuệ Hoa Kỳ.

Quyền tác giả và quyền liên quan [Chương II, Điều 4]

Chuyển giao quyền - Đối với quyền tác giả và quyền liên quan, những người có được hoặc nắm giữ những quyền kinh tế được phép chuyển giao những quyền đó một cách tự do và riêng rẽ. [Điều 4.3]

Thời hạn - Các Bên quy định thời hạn bảo hộ (nếu không được tính trên cơ sở đời người) không ít hơn 75 năm kể từ khi tác phẩm được công bố hợp pháp hoặc, nếu tác phẩm không được công bố hợp pháp trong vòng 25 năm kể từ tác phẩm được tạo ra, thì thời hạn đó không ít hơn 100 năm kể từ khi tác phẩm được tạo ra. [Điều 4.4] Thời hạn này dài hơn thời hạn nêu trong Công ước Berne mà Hiệp định TRIPS có dẫn chiếu đến.

Những chương trình liên quan đến máy tính - Hiệp định xây dựng trên các tiêu chuẩn được quy định trong Công ước Berne bằng cách xác định rằng các chương trình máy tính là “những tác phẩm viết” theo nghĩa quy định tại Công ước Berne, và rằng các sưu tập dữ liệu, bao gồm cả dạng có thể đọc được bằng máy đều là những tác phẩm có thể được bảo hộ. [Điều 4.1(A) và 4.1(B)] Tác giả của những tác phẩm đó được quyền cho phép hoặc cấm: việc nhập khẩu các bản sao của tác phẩm đó, phân phối công khai lần đầu bản gốc và các bản sao của

tác phẩm, truyền đạt tác phẩm tới công chúng, và cho thuê bản gốc hoặc bản sao của chương trình máy tính nhằm đạt lợi ích thương mại. Phải có quyền cho thuê. [Điều 4.2]

Bản ghi âm - Người có quyền đối với bản ghi âm được quyền cho phép hoặc cấm: việc sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp bản ghi âm, nhập khẩu các bản sao bản ghi âm, phân phối công khai lần đầu bản gốc hoặc các bản sao của bản ghi âm, và cho thuê bản gốc hoặc bản sao của bản ghi âm nhằm đạt lợi ích thương mại. Việc đưa bản gốc hoặc bản sao của bản ghi âm ra thi trường, ngay cả khi có sự đồng ý của người có quyền, không làm chấm dứt quyền cho thuê của người có quyền. [Điều 4.6]

Làm lậu (bootlegging) - Để ngăn chặn sự làm lậu, người biểu diễn có quyền cho phép hoặc cấm: ghi lại những buổi biểu diễn nhạc sống của họ, sao chép những bản ghi đó, và phát tới công chúng buổi biểu diễn, và cấm buôn bán mọi bản ghi không được phép của buổi biểu diễn đó. [Điều 4.7]

Tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá [Chương II, Điều 5]

Các Bên thoả thuận quy định các biện pháp chế tài dân sự và hình sự đối với việc vi phạm nghiêm trọng bảo hộ những tín hiệu vệ tinh mang chương trình đã được mã hoá, [Điều 5.1] bao gồm việc chế tạo hoặc buôn bán một thiết bị hoặc hệ thống mà người đó biết rằng chủ yếu là để giúp cho việc giải mã trái phép những tín hiệu đó, và cả việc cố ý phân phối những tín hiệu đã được giải mã đó mà không được phép của người phân phối hợp pháp tín hiệu đó. [Điều 5.2(A) và 5.2(B)]

Nhãn hiệu hàng hoá [Chương II, Điều 6]

Quyền - Hiệp định sử dụng định nghĩa về nhãn hiệu hàng hoá và nhãn hiệu dịch vụ trong Hiệp định TRIPS. Tuy nhiên, trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, các Bên cũng phải bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể. [Điều 6.1] Hơn nữa, mỗi Bên cam kết sẽ dành cho chủ của một nhãn hiệu hàng hoá đã đăng ký quyền ngăn cản bất kỳ ai không được phép của chủ sở hữu khỏi việc sử dụng những dấu hiệu trùng hoặc tương tự cho hàng hoá hoặc dịch vụ trùng hoặc tương tự, nếu việc sử dụng như vậy có nguy cơ gây nhầm lẫn. [Điều 6.2]

Đăng ký - Khác với Hiệp định TRIPS, các Bên phải quy định một hệ thống đăng ký nhãn hiệu hàng hoá. [Điều 6.4] Trong khi khả năng đăng ký của một nhãn hiệu hàng hoá có thể phụ thuộc vào việc sử dụng, thì việc sử dụng thực sự một nhãn hiệu không được coi là một điều kiện để nộp đơn đăng ký và việc không sử dụng nhãn hiệu trong vòng 3 năm đầu sau khi đã nộp đơn không thể coi là cơ sở để từ chối đơn đăng ký. Chỉ sau 3 năm, khi việc không sử dụng là bất hợp lý mới có thể coi là lý do cho việc huỷ bỏ đăng ký. [Điều 6.3]

Cấp lixäng và chuyển nhượng - Trong khi một Bên có thể quy định các điều kiện đối với việc cấp lixäng và chuyển nhượng các nhãn hiệu hàng hoá, thì Hiệp định không cho phép áp dụng lixäng không tự nguyện và việc sử dụng nhãn hiệu không thể bị gây trở ngại bởi những yêu cầu đặc biệt. [Điều 6.12]

Thời hạn - Đăng ký ban đầu phải có thời hạn ít nhất là 10 năm (dài hơn 3 năm so với thời hạn tối thiểu theo Hiệp định TRIPS), với cơ hội gia hạn thêm từng 10 năm một tiếp theo. [Điều 6.8]

Sáng chế [Chương II, Điều 7]

Quyền - Cũng như trong Hiệp định TRIPS, bằng độc quyền có khả năng được cấp đối với mọi sản phẩm hoặc quy trình trong tất cả các lĩnh vực công nghệ, với điều kiện là sáng chế

đó có tính mới, có trình độ sáng tạo và có khả năng áp dụng công nghiệp. [Điều 7.1] Các Bên có thể không cấp bằng độc quyền đối với một số sáng chế nhất định khi cần thiết để bảo vệ trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội, để bảo vệ cuộc sống của con người, động vật và thực vật, hoặc để tránh những nguy hại nghiêm trọng cho môi trường, với điều kiện là sự loại trừ đó được quy định không phải chỉ vì lý do duy nhất là việc khai thác những sáng chế đó bị pháp luật của các Bên ngăn cấm. [Điều 7.2(A)] Các Bên có thể không cấp bằng độc quyền đối với một số sáng chế liên quan đến các quy trình nội khoa và ngoại khoa. [Điều 7.2(B)] Hai Bên cũng có thể không cấp bằng độc quyền đối với một số các giống động vật và thực vật, nhưng phải bảo vệ chúng theo các điều luật của Công ước Quốc Tế về Bảo vệ giống thực vật mới. (Công ước UPOV 1991) [Điều 7.2 (C)]

Khi đối tượng của một bằng độc quyền là một sản phẩm, thì bằng độc quyền sẽ dành cho chủ bằng quyền ngăn cấm người khác chế tạo, sử dụng, bán, chào bán hoặc nhập khẩu sản phẩm đó mà không được sự đồng ý của chủ bằng. [Điều 7.3(A)]

Khi đối tượng của bằng độc quyền là một quy trình, thì bằng độc quyền sẽ dành cho chủ bằng quyền ngăn cấm người khác sử dụng quy trình đó và sử dụng, bán, chào bán, hoặc nhập khẩu ít nhất là đối với các sản phẩm thu được trực tiếp từ quy trình đó mà không được sự đồng ý của chủ bằng. [Điều 7.3(B)]

Các ngoại lệ đối với độc quyền - Hiệp định cho phép có những ngoại lệ đối với độc quyền theo bằng độc quyền, với điều kiện là những ngoại lệ đó không mâu thuẫn đối với việc khai thác bình thường hoặc không gây thương hại một cách bất hợp lý đến các lợi ích chính đáng của người sở hữu bằng độc quyền. [Điều 7.4]

Một Bên cũng có thể cho phép sử dụng đối tượng của bằng độc quyền trên cơ sở xem xét theo từng trường hợp mà không cần có sự đồng ý của chủ bằng (tức là lixāng không tự nguyện) nếu một số điều kiện được thỏa mãn. Cần phải xem xét những nỗ lực xin phép người nắm giữ quyền với những điều kiện thương mại hợp lý, việc sử dụng phải được giới hạn trong phạm vi và thời hạn của mục đích được cấp phép, và việc sử dụng đó là không độc quyền và không được chuyển nhượng và chủ yếu nhằm cung cấp cho thị trường nội địa của Bên đó. [Điều 7.8(A) - (F)] chủ hữu phải được bồi thường, và các quyết định cấp phép sử dụng như vậy có thể được xem xét lại bởi cơ quan hành chính và tư pháp có thẩm quyền cao hơn. [Điều 7.8(H) - (J)] Lixāng không tự nguyện đối với bằng độc quyền phụ thuộc chỉ có thể được cấp để giải quyết những hành vi bị phán xét là vi phạm pháp luật về cạnh tranh. [Điều 7.8(L)]

Thời hạn - Các Bên cam kết quy định thời hạn bảo hộ bằng độc quyền là 20 năm kể từ ngày nộp đơn. Tuy nhiên, các Bên có thể kéo dài thời hạn bảo hộ. [Điều 7.10]

Thiết kế bố trí mạch tích hợp [Chương II, Điều 8]

Quyền - Các Bên sẽ coi các hành vi sau đây là bất hợp pháp nếu không được phép của người có quyền thực hiện: làm bản sao, nhập khẩu hoặc phân phối thiết kế bố trí đã được bảo hộ (hoặc một mạch hay một vật phẩm khác chứa thiết kế đó), trừ khi người làm điều đó không biết hoặc không thể biết rằng vật phẩm chứa thiết kế bố trí được sao chép bất hợp pháp. [Điều 8.2 - 8.3]

Cấp phép - Hai Bên không được cho phép cấp lixāng không tự nguyện. [Điều 8.5]

Thời hạn - Thời hạn bảo hộ là 10 năm kể từ ngày nộp đơn xin đăng ký, hoặc từ ngày thiết kế bố trí đó được đưa ra khai thác thương mại lần đầu tiên (bất kỳ đâu trên thế giới), tuỳ thuộc

thời điểm nào sớm hơn. [Điều 8.7] Tuy nhiên, các Bên có thể quy định rằng việc bảo hộ sẽ chấm dứt sau 15 năm sau khi thiết kế bố trí được tạo ra. [Điều 8.8]

Thông tin bí mật/Bí mật thương mại [Chương II, Điều 9]

Bảo hộ chống lại sự chiếm hữu bất hợp pháp - Các Bên cam kết quy định những phương tiện pháp lý cho một người để ngăn ngừa thông tin bí mật bị tiết lộ cho người khác, bị người khác tiếp cận hoặc sử dụng mà không được sự đồng ý của người có quyền kiểm soát hợp pháp thông tin đó theo cách thức trái với các thực tiễn thương mại trung thực. [Điều 9.1]

Sự bảo hộ này kéo dài chừng nào thông tin đó chưa được hiểu biết một cách chung, có giá trị thương mại vì có tính bí mật, và được bảo vệ bí mật một cách tích cực bởi người kiểm soát hợp pháp thông tin đó. [Điều 9.2(A) - (C)]

Bảo hộ dữ liệu — Các Bên phải bảo hộ kết quả thử nghiệm và các dữ liệu bí mật khác được nộp trình cho một Bên, liên quan đến yêu cầu được phép đưa sản phẩm ra thị trường khỏi bị sử dụng vì mục đích thương mại không lành mạnh và khỏi bị tiết lộ. Thuật ngữ “sử dụng vì mục đích thương mại không lành mạnh” được định nghĩa là bao gồm cả sự nương tựa vào các dữ liệu mà người khác nộp trình để chỉ ra rằng một sản phẩm là an toàn và hiệu quả. [Điều 9.5] Thời hạn bảo hộ phải ít nhất là 5 năm kể từ ngày được phép đưa sản phẩm ra thị trường đối với một sản phẩm dựa trên những dữ liệu được bảo hộ. [Điều 9.6]

Kiểu dáng công nghiệp [Chương II, Điều 10]

Quyền - Cũng như trong Hiệp định TRIPS, các Bên phải quy định bảo hộ đối với các kiểu dáng công nghiệp được tạo ra một cách độc lập, có tính mới hoặc nguyên gốc. [Điều 10.1] Chủ sở hữu kiểu dáng được bảo hộ phải có quyền ngăn cấm những người không được sự đồng ý của chủ sở hữu được chế tạo, bán, nhập khẩu hoặc phân phối vì mục đích thương mại các sản phẩm mang hoặc thể hiện một kiểu dáng là bản sao của kiểu dáng được bảo hộ. [Điều 10.3]

Thời hạn - Sự bảo hộ đối với kiểu dáng công nghiệp phải ít nhất 10 là năm. [Điều 10.5]

Thực thi [Chương II, Điều 11-15]

Các biện pháp trong nước - Giống như Hiệp định TRIPS, Hiệp định yêu cầu các Bên quy định các chế tài kịp thời để ngăn chặn sự xâm phạm và các chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa sự xâm phạm về sau, bao gồm cả những thủ tục hành chính và tư pháp cụ thể, [Điều 12] các biện pháp tạm thời hiệu quả và nhanh chóng được hỗ trợ bởi những chứng cứ đầy đủ và một khoản bảo chứng hoặc bảo đảm tương đương, [Điều 13] và các hình phạt hình sự đối với việc cố ý làm giả nhãn hiệu hàng hoá hoặc xâm phạm các quyền tác giả và những quyền liên quan vì mục đích thương mại. [Điều 14] Các quyết định về sự vụ phải được làm bằng văn bản và phải tuân theo những chỉ dẫn cụ thể.

Các biện pháp ở biên giới - Giống như Hiệp định TRIPS, Hiệp định yêu cầu các Bên ban hành các thủ tục cho phép người nắm giữ hợp pháp, khi có cơ sở và chứng cứ đầy đủ, và khi cung cấp một khoản bảo chứng đầy đủ, được quyền nộp đơn cho cơ quan hải quan để đình chỉ việc thông quan hàng hoá nhập khẩu bị nghi ngờ là hàng có nhãn hiệu hàng hoá giả mạo hoặc các bản sao trái phép các tác phẩm được bảo hộ theo quyền tác giả và những quyền liên quan. [Điều 15.1]

Bồi thường thiệt hại - Hiệp định quy định các Bên cho phép các cơ quan tư pháp yêu cầu người vi phạm phải bồi thường cho người nắm giữ quyền hợp pháp tương đương với thiệt hại này sinh. [Điều 12.2]

Phạt hình sự - Hai Bên phải quy định các hình phạt hình sự đối với việc cố ý làm giả nhãn hiệu hàng hoá và xâm phạm quyền tác giả vì mục đích thương mại.[Điều 14]

LỘ TRÌNH

Việt Nam

Việt Nam sẽ thực hiện từng bước những nghĩa vụ của mình theo Hiệp định theo lộ trình như sau:

- Đối với nhãn hiệu hàng hoá và bằng độc quyền, 12 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực; [Điều 18(A)]
- Đối với quyền tác giả và những quyền liên quan, và thông tin bí mật/bí mật thương mại, 18 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực; [Điều 18(B)]
- Đối với việc bảo hộ những tín hiệu về tinh mang chương trình được mã hoá, tuân thủ những điều khoản của Công ước Geneva, Công ước Liên quan đến việc Phân phối những Tín hiệu Mang Chương trình được Truyền qua Vệ tinh, và việc tuân thủ những yêu cầu về thời hạn đối với quyền tác giả và những quyền liên quan, 30 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực. [Điều 18(C)]
- Đối với các nghĩa vụ bất kỳ khác, 24 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực. [Điều 18(D)]

Hoa Kỳ [Chương II, Điều 18]

Mặc dù nhìn chung Hoa Kỳ cam kết sẽ thực thi các nghĩa vụ theo Hiệp định ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực, Hoa Kỳ duy trì ngoại lệ đối với việc bảo hộ thiết kế bố trí (topographies) mạch tích hợp và đối xử quốc gia đối với sự bảo hộ đó mà Hoa Kỳ sẽ thực thi 24 tháng sau khi Hiệp định có hiệu lực. [Điều 18.2]

Áp dụng vào luật pháp trong nước [Chương II, Điều 18]

Mỗi Bên tuân thủ ngay lập tức những yêu cầu về sở hữu trí tuệ quy định trong Chương 2 của Hiệp định ở mức độ có thể theo luật pháp hiện hành của mình và không được đưa ra những biện pháp có mức độ phù hợp thấp hơn Chương 2 trong giai đoạn quá độ nói trên. [Điều 18.4] Nghĩa vụ này đảm bảo rằng cùng với những quy định khác sẽ không có một giai đoạn quá độ nào cho việc tuân thủ những yêu cầu của Hiệp định Việt Nam - Hoa Kỳ về bảo hộ quyền tác giả mà có nhiều quy định giống như Hiệp định này.

CHƯƠNG III - THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

KHÁ QUÁT

Chương này của Hiệp định đề cập đến thương mại dịch vụ dựa theo mô hình của Hiệp định Chung về Thương mại Dịch vụ của WTO (GATS). Trong Hiệp định Thương Mại, Hoa Kỳ dành cho các công dân và công ty của Việt Nam sự tiếp cận như Hoa Kỳ dành cho các thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) như được thể hiện trong lộ trình của Hiệp Định GATS. Việt Nam lần đầu tiên đồng ý tự do hóa một loạt các ngành dịch vụ trong đó bao gồm, cùng với các ngành dịch vụ khác, các dịch vụ viễn thông, kế toán, ngân hàng và phân phối. Các cam kết rộng mở này sẽ tạo ra những cơ hội có giá trị và bảo đảm việc tiếp cận dễ dàng thị trường Việt Nam và thị trường Mỹ đối với các nhà đầu tư và công ty của mỗi nước. Những cam kết này cũng thể hiện việc Việt Nam cam kết hội nhập vào nền kinh tế quốc tế và đích cuối cùng là Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

THOẢ THUẬN CƠ BẢN

Phạm vi

Các quy định được áp dụng đối với những biện pháp của chính quyền trung ương, vùng và địa phương cũng như của những cơ quan phi chính phủ khi thi hành các chức năng theo sự ủy quyền của chính phủ. Giống như Hiệp định GATS, Hiệp định này định nghĩa thương mại dịch vụ theo bốn "hình thức cung cấp" mà dịch vụ được cung cấp như sau:

Hình thức 1 - Cung cấp "Qua biên giới" diễn ra khi một nhà cung cấp dịch vụ ở một nước cung cấp dịch vụ cho một khách hàng ở một nước khác, ví dụ như một luật sư ở thủ đô Washington D.C gửi ý kiến bằng thư điện tử cho một khách hàng ở Hà Nội.

Hình thức 2 - "Sử dụng ở nước ngoài" diễn ra khi một công dân của một nước đi đến một nước khác nơi đó anh ta được cung cấp một dịch vụ, ví dụ như một sinh viên Việt Nam đến học tại Hoa Kỳ.

Hình thức 3 - Một nhà cung cấp dịch vụ được coi là có một sự "hiện diện thương mại" khi nhà cung cấp đó thiết lập một chi nhánh hoặc công ty con hay văn phòng ở một nước khác để cung cấp một dịch vụ ở đó, ví dụ như một ngân hàng Hoa Kỳ mở một chi nhánh tại Hà Nội.

Hình thức 4 - "Hiện diện thể nhân" nói đến tình huống một người đi từ một nước sang một nước khác và ở đó cung cấp một dịch vụ cho một khách hàng, ví dụ như một nha sỹ đến Hà Nội để hành nghề.

Hiệp định xác định mức độ mà Việt Nam và Hoa Kỳ sẽ quy định về tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia đối với dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia. Ví dụ, Việt Nam đồng ý rằng Việt Nam dành sự đối xử quốc gia cho các công ty Hoa Kỳ trong ngành dịch vụ pháp lý khi những dịch vụ như vậy được cung cấp thông qua các hình thức từ 1 đến 3. [Phụ lục G, Trang G4]

CÁC NGUYÊN TẮC VÀ NGHĨA VỤ

Miêu tả chung về các nghĩa vụ [Chương II, Điều 2-8]

Đối xử Tối huệ quốc (MFN) - Hoa Kỳ và Việt Nam đồng ý dành đối xử Tối huệ quốc cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia. Điều này có nghĩa là các Bên dành cho dịch vụ

và nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia sự đối xử tương tự hoặc tốt hơn sự đối xử họ dành cho dịch vụ và những nhà cung cấp dịch vụ đặt tại hoặc cung cấp từ các nước khác mà các Bên có quan hệ Tối huệ quốc. [Điều 2.1] Nghĩa vụ này áp dụng cho tất cả các ngành dịch vụ và tất cả các hình thức cung cấp trừ những trường hợp mà một Bên coi là ngoại lệ. Những ngoại lệ này được liệt kê trong những Bảng cam kết riêng của hai Bên.

Tiếp cận thị trường - Trong mỗi ngành dịch vụ được xác định trong Lộ trình, một Bên phải bảo đảm cung cấp cho bên kia sự tiếp cận thị trường đối với các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ. Hiệp định xác định 6 loại hạn chế về tiếp cận thị trường mà một Bên không được duy trì hoặc thông qua trong các ngành đó. Cùng với các hạn chế khác, các hạn chế này bao gồm các hạn chế về số lượng nhà cung cấp dịch vụ, các hạn chế về tổng trị giá của các giao dịch dịch vụ, các hạn chế về tổng số lượng đầu ra của dịch vụ, và các hạn chế về hình thức pháp nhân hoặc liên doanh mà thông qua đó một dịch vụ có thể được cung cấp. [Điều 6.2(A) - (F)]

Đối xử quốc gia - Hiệp định yêu cầu Việt Nam và Hoa Kỳ, phù hợp với các cam kết tại mỗi ngành dịch vụ được xác định trong Lộ trình của mình, phải dành đối xử quốc gia cho các nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia. Điều này có nghĩa là các Bên đồng ý đối xử với các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia một cách tương tự hoặc tốt hơn sự đối xử họ dành cho các dịch vụ cung cấp bởi công dân của họ hoặc nhà cung cấp dịch vụ do công dân của họ điều hành. [Điều 7.1]

Pháp luật quốc gia - Mỗi Bên sẽ điều hành các luật và quy định ảnh hưởng đến thương mại trong các ngành dịch vụ xác định tại Phụ lục một cách hợp lý, khách quan và vô tư. [Điều 4.1]

Đơn xin cấp phép để cung cấp các dịch vụ cụ thể phải được xem xét trong một khoảng thời gian hợp lý. [Điều 4.3] Những quyết định liên quan đến những đơn đó có thể được xem xét lại bởi các cơ quan tài phán trong nước. [Điều 4.2(A)] Những yêu cầu về cấp phép hoặc tiêu chuẩn nghề nghiệp và tiêu chuẩn kỹ thuật cần đáp ứng để được cung cấp một dịch vụ phải dựa trên các tiêu chí khách quan, không phiền hà hơn mức cần thiết, và bản thân những yêu cầu này không tạo ra sự hạn chế đối với việc cung cấp dịch vụ. [Điều 4.4(A)]

Độc quyền và nhà cung cấp dịch vụ độc quyền - Mỗi Bên bảo đảm rằng các nhà cung cấp dịch vụ độc quyền khi cạnh tranh ở những ngành kinh doanh nằm ngoài phạm vi độc quyền của mình sẽ hành động phù hợp với các cam kết về đối xử Tối huệ quốc hoặc theo các ngành cụ thể của Bên đó và không lạm dụng vị trí độc quyền của mình. [Điều 5.1 và 5.2]

Các phụ lục của Hiệp định GATS - Hiệp định đưa vào bốn Phụ lục hoặc các cam kết phụ trợ khác của Hiệp định GATS. Với một số điều chỉnh nhỏ, bằng cách dẫn chiếu, các Bên đưa vào Phụ lục về Các Dịch vụ Tài chính, Phụ lục về Di chuyển Thể nhân và Phụ lục về Viễn thông của Hiệp định GATS. Đáng chú ý là, bằng cách dẫn chiếu, các Bên đưa vào Tài liệu Tham chiếu Viễn thông, một tập hợp những cam kết quản lý mang tính ràng buộc được hình thành trong quá trình đàm phán về viễn thông cơ bản của WTO.

Các cam kết phụ trợ - Các Bên có thể đàm phán các cam kết bổ sung đối với những biện pháp ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ. [Điều 8]

Lộ trình cam kết của Hoa Kỳ [Chương III, Phụ lục G - Hoa Kỳ]

Ngoại trừ đối với các dịch vụ chứng khoán, những cam kết của Hoa Kỳ về đối xử Tối huệ quốc, đối xử quốc gia và tiếp cận thị trường tương tự như những cam kết của Hoa Kỳ trong Hiệp định GATS. Đối với các dịch vụ tài chính, như đã liệt kê trong khoản 5(a), tiểu mục (x) [việc buôn bán các công cụ trên thị trường tiền tệ (bao gồm séc, hối phiếu, chứng chỉ tiền

gửi), ngoại hối, tỷ giá hối đoái và lãi xuất, chứng khoán có thể chuyển nhượng được cùng các tài sản tài chính khác, kể cả vàng nén] và tiểu mục (xi) [Tham gia vào việc phát hành mọi loại chứng khoán, kể cả bảo lãnh phát hành và chào bán như đại lý (theo cách công khai hoặc theo thỏa thuận riêng) và cung cấp các dịch vụ liên quan đến việc phát hành đó]. Đối với các dịch vụ chứng khoán, Hoa Kỳ có thể hạn chế tiếp cận thị trường đối với thương mại qua biên giới (hình thức 1); và đối với hiện diện thương mại (hình thức 3), có thể hạn chế tiếp cận thị trường ở mức thành lập văn phòng đại diện. [Phụ lục G, trang G1]

Lộ trình cam kết của Việt Nam [Chương III, Phụ lục G - Việt Nam]

Cam kết nền chung - Ngoài những cam kết đối với những ngành cụ thể, Việt Nam còn đưa ra một số cam kết được gọi là “cam kết nền chung” áp dụng đối với mọi dịch vụ được cung cấp thông qua hiện diện thương mại (hình thức 3) và hiện diện của thể nhân Mỹ tại Việt Nam (hình thức 4). Những cam kết nền chung này bao gồm:

Hạn chế tiếp cận thị trường

- **Hiện diện thương mại:** Các nhà cung cấp dịch vụ Hoa Kỳ phải xin giấy phép để thiết lập sự hiện diện thương mại tại Việt Nam. [Hình thức (3), trang G2]

Việt Nam đang trong quá trình dự thảo luật, các đạo luật và các quy định liên quan đến chi nhánh của các công ty nước ngoài. Vì vậy, trừ khi được quy định khác trong lộ trình của mình, Việt Nam không chấp thuận dành tiếp cận thị trường cho chi nhánh của các công ty Hoa Kỳ. [Hình thức (3), trang G2]

Ngoài các hạn chế về chi nhánh, và trừ khi được quy định khác trong Lộ trình, các công ty Hoa Kỳ không bị giới hạn về hình thức công ty cụ thể khi tiến hành kinh doanh tại Việt Nam hoặc bị giới hạn về tỉ lệ phần trăm góp vốn cụ thể. Nếu văn phòng đại diện được thành lập thì những văn phòng này không được tham gia vào những hoạt động sinh lời ở Việt Nam. [Hình thức (3), trang G2]

Các công ty Hoa Kỳ đã có sự hiện diện thương mại ở Việt Nam được nhận sự đối xử tốt hơn sự đối xử quy định trong giấy phép thành lập sự hiện diện thương mại của họ, hoặc sự đối xử mà Hiệp định quy định. [Hình thức(3), trang G2]

- **Hiện diện của thể nhân:** Các công ty Hoa Kỳ thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh hoặc công ty con ở Việt Nam, và những nhà cung cấp dịch vụ có vốn đầu tư của Hoa Kỳ sẽ được nhập cảnh và được cấp giấy phép lao động cần thiết để các thể nhân Hoa Kỳ với những kỹ năng riêng biệt và không thể thay thế được vào nhập cảnh và làm việc tại Việt Nam. Những người chào bán dịch vụ Hoa Kỳ không sống hoặc được trả lương ở Việt Nam nhưng đàm phán để bán dịch vụ ở Việt Nam sẽ được nhập cảnh với thời hạn là 90 ngày. [Hình thức (4), trang G3]

Những hạn chế về đối xử quốc gia

- **Hiện diện thương mại:** Những vấn đề liên quan đến đầu tư trong dịch vụ mà không được đề cập trong Lộ trình dịch vụ của Việt Nam sẽ được điều chỉnh bởi những điều khoản về đầu tư trong Hiệp định. Trong trường hợp có xung đột với những điều khoản về đầu tư trong Hiệp định thì những nghĩa vụ của Việt Nam trong Lộ trình dịch vụ sẽ được áp dụng làm căn cứ. [Hình thức (3) trang G2]

- **Hiện diện thể nhân:** Những công ty Hoa Kỳ thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh hoặc công ty con ở Việt Nam và những nhà cung cấp dịch vụ có vốn đầu tư Hoa Kỳ sẽ được phép

nhập cảnh và cấp giấy phép lao động cần thiết để những thẻ nhân Hoa Kỳ với những kỹ năng riêng biệt và không thể thay thế được vào và làm việc ở Việt Nam. Những người chào bán dịch vụ Hoa Kỳ không sống hoặc được trả lương ở Việt Nam nhưng đàm phán để bán dịch vụ ở Việt Nam sẽ được nhập cảnh với thời hạn là 90 ngày. [Hình thức(4), trang G3]

Những cam kết theo ngành cụ thể - Lộ trình của Việt Nam xác định những ngành và những phân ngành được Việt Nam dành sự đối xử quốc gia và tiếp cận thị trường. Hầu hết những cam kết đó được mô tả dưới đây. Trừ trường hợp được chỉ rõ dưới đây, Việt Nam thoả thuận đảm bảo tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia đối với Hình thức 1-3 trong những ngành được xác định. Việt Nam không cam kết gì đối với dịch vụ được cung cấp thông qua Hình thức 4 (hiện diện thẻ nhân) trừ những vấn đề được nêu trong cam kết nền chung.

CÁC DỊCH VỤ PHÁP LÝ

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Hiện diện thương mại:** công ty 100% vốn Hoa Kỳ, liên doanh và chi nhánh đều được phép hiện diện thương mại. Các luật sư Hoa Kỳ không được phép tham gia tố tụng tại toà án Việt Nam. Tuy nhiên, các công ty luật Hoa Kỳ có thể tư vấn về luật Việt Nam nếu họ thuê người có bằng luật Việt Nam và đáp ứng được những yêu cầu áp dụng như đối với một luật sư Việt Nam. Chi nhánh của công ty luật có thể nhận giấy phép có thể gia hạn 5 năm một lần. [Hình thức(3), trang G4]

CÁC DỊCH VỤ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Hiện diện thương mại:** trong 3 năm đầu kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, việc cấp phép sẽ được xét duyệt theo từng trường hợp. Công ty phải thuê ít nhất là 5 người có chứng chỉ kiểm toán viên Việt Nam và đã đăng ký hành nghề kiểm toán ở Việt Nam trên một năm. [Hình thức(3), trang G5]

Trong 2 năm đầu kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, các công ty có vốn Hoa Kỳ chỉ được phép cung cấp dịch vụ cho những công ty có vốn đầu tư nước ngoài và những dự án có sự tài trợ của nước ngoài ở Việt Nam. [Hình thức(3), trang G5]

CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN VỀ THUẾ

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Hiện diện thương mại:** Trong 5 năm đầu kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, việc cấp phép sẽ được xét duyệt theo từng trường hợp. Trong 5 năm đầu kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, các công ty có vốn đầu tư Hoa Kỳ chỉ được phép cung cấp dịch vụ cho những công ty có vốn đầu tư nước ngoài và những dự án có sự tài trợ của nước ngoài tại Việt Nam. [Hình thức(3), trang G6]

CÁC DỊCH VỤ KIẾN TRÚC

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Hiện diện thương mại:** Không được phép thành lập chi nhánh. Ngoài ra, trong thời gian 2 năm kể từ khi thành lập và hoạt động, các xí nghiệp 100% vốn Hoa Kỳ chỉ có thể cung cấp

dịch vụ cho những doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Các công ty Hoa Kỳ phải đăng ký hoạt động hợp pháp tại Hoa Kỳ. [Hình thức(3), trang G6]

CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Hiện diện thương mại:** Không được phép lập chi nhánh. Ngoài ra, trong thời gian 2 năm kể từ khi thành lập và hoạt động, các xí nghiệp 100% vốn Hoa Kỳ chỉ có thể cung cấp dịch vụ cho những công ty có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Các công ty Hoa Kỳ phải đăng ký hoạt động hợp pháp tại Hoa Kỳ. [Hình thức(3), trang G7]

Các công ty Hoa Kỳ và công ty có vốn đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ không được phép thực hiện công việc khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thuỷ văn, và môi trường; hoặc khảo sát kỹ thuật phục vụ lập thiết kế qui hoạch xây dựng đô thị - nông thôn, hoặc quy hoạch xây dựng ngành, trừ khi được Chính phủ Việt Nam cho phép. [Hình thức(3), trang G7]

CÁC DỊCH VỤ VỀ VI TÍ NH VÀ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Hiện diện thương mại:** Không được phép lập chi nhánh. Ngoài ra, trong thời gian 2 năm kể từ ngày thành lập và hoạt động, các xí nghiệp 100% vốn Hoa Kỳ chỉ có thể cung cấp dịch vụ cho những công ty có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Các công ty Hoa Kỳ phải đăng ký hoạt động hợp pháp tại Hoa Kỳ. [Hình thức(3), trang G7-8]

CÁC DỊCH VỤ QUẢNG CÁO

Việt Nam không dành tiếp cận thị trường đối với dịch vụ quảng cáo rượu và thuốc lá.
[Lĩnh vực 1C (a), trang G8]

Hạn chế tiếp cận thị trường

- **Hiện diện thương mại:** Các công ty Hoa Kỳ chỉ có thể thiết lập hiện diện thương mại thông qua liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác Việt Nam. Phần vốn đầu tư của Hoa Kỳ chỉ giới hạn ở mức 49% vốn pháp định trong vòng 5 năm đầu kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, 51% cho các năm thứ 6 và 7 ,và sau đó là không hạn chế. [Hình thức (3), trang G8]

CÁC DỊCH VỤ NGHIÊN CỨU THĂM DÒ THỊ TRƯỜNG

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Cung cấp qua biên giới:** Việt Nam chưa cam kết dành tiếp cận thị trường đối với việc cung cấp các dịch vụ nghiên cứu thăm dò thị trường qua biên giới. [Hình thức(1), trang G9]

- **Hiện diện thương mại:** Các công ty Hoa Kỳ Kỳ chỉ có thể thiết lập hiện diện thương mại thông qua liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác Việt Nam. Phần vốn đầu tư của Hoa Kỳ chỉ giới hạn ở mức 49% vốn pháp định trong vòng 5 năm đầu kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, 51% cho các năm thứ 6 và 7, và sau đó là không hạn chế. [Hình thức(3), trang G9]

Các giới hạn về đối xử quốc gia

- **Cung cấp qua biên giới:** Việt Nam chưa cam kết dành đối xử quốc gia đối với việc cung cấp các dịch vụ nghiên cứu thăm dò thị trường qua biên giới. [Hình thức(4), trang G9]

CÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN QUẢN LÝ

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Hiện diện thương mại:** Các công ty Hoa Kỳ chỉ có thể thiết lập hiện diện thương mại thông qua liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác Việt Nam. Sau khi Hiệp định có hiệu lực được 5 năm, các công ty 100% vốn Hoa Kỳ mới được phép thành lập. [Hình thức(3), trang G9]

CÁC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG NÓI CHUNG

Các cam kết của Việt Nam đối với các dịch vụ viễn thông được chia ra thành những phân ngành bao gồm các dịch vụ giá trị gia tăng, dịch vụ viễn thông cơ bản và dịch vụ điện thoại cố định. Những cam kết của Việt Nam trong từng phân ngành đó được miêu tả dưới đây. Ngoài ra, như đã nêu ở trên, các Bên đã đưa vào Phụ lục về viễn thông và Tài liệu tham chiếu về viễn thông của Hiệp định GATS. [Phụ lục F, trang F1-2]

Các hạn chế về vốn góp của Hoa Kỳ được miêu tả dưới đây sẽ được xem xét lại và có thể được tăng lên sau khi Hiệp định có hiệu lực được 3 năm.

CÁC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG GIÁTRI GIA TĂNG

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Cung cấp qua biên giới:** Quy định về các dịch vụ giá trị gia tăng chỉ cho phép các công ty Hoa Kỳ thông qua hợp đồng kinh doanh với các nhà khai thác trạm cổng của Việt Nam. [Hình thức(1), trang G11]

- **Hiện diện thương mại:** Lúc đầu, các nhà cung cấp dịch vụ Hoa Kỳ chỉ có thể thiết lập sự hiện diện thương mại thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh với một đối tác Việt Nam được phép cung cấp dịch vụ viễn thông. Hai năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực (3 năm đối với các dịch vụ Internet), có thể thành lập liên doanh với các đối tác Việt Nam với phần góp vốn của phía Hoa Kỳ không quá 50% vốn pháp định của liên doanh. Các xí nghiệp liên doanh không được phép xây dựng mạng đường trực và quốc tế riêng mà phải thuê chúng từ các công ty khai thác dịch vụ Việt Nam. [Hình thức (3), trang G10]

CÁC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CƠ BẢN

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Qua biên giới:** Việc cung cấp các dịch vụ viễn thông cơ bản chỉ được phép thông qua các hợp đồng kinh doanh với các nhà khai thác trạm cổng Việt Nam. [Hình thức (1), trang G10]

- **Hiện diện thương mại:** Ban đầu, các nhà cung cấp dịch vụ Hoa Kỳ chỉ có thể thành lập một sự hiện diện thương mại thông qua một hợp đồng hợp tác kinh doanh với một đối tác Việt Nam được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông. Bốn năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, các liên doanh với các đối tác Việt Nam có thể được thành lập với phần góp vốn tối đa của phía

Hoa Kỳ là 49% vốn pháp định của liên doanh. Các liên doanh không được xây dựng mạng đường trực và quốc tế riêng mà phải thuê chúng từ các nhà khai thác Việt Nam. [Hình thức (3), trang G10]

CÁC DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Qua biên giới:** Việc cung cấp các dịch vụ điện thoại cố định chỉ được phép thông qua các hợp đồng kinh doanh với các nhà khai thác trạm công Việt Nam. [Hình thức (1), trang G11]

• **Hiện diện thương mại:** Ban đầu, các nhà cung cấp dịch vụ Hoa Kỳ chỉ có thể thành lập một sự hiện diện thương mại thông qua một hợp đồng hợp tác kinh doanh với một đối tác Việt Nam. Sáu năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, các liên doanh với các đối tác Việt Nam có thể được thành lập với phần góp vốn tối đa của phía Hoa Kỳ là 49% vốn pháp định của liên doanh. [Hình thức (1), trang G11]

CÁC DỊCH VỤ NGHE NHÌN

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Qua biên giới:** Việt Nam chưa cam kết về tiếp cận thị trường đối với việc cung cấp các dịch vụ nghe nhìn qua biên giới. [Hình thức (1), trang G12]

• **Sử dụng ở nước ngoài:** Việt Nam chưa cam kết về tiếp cận thị trường đối với việc sử dụng các dịch vụ nghe nhìn ở nước ngoài. [Hình thức (2), trang G12]

• **Hiện diện thương mại:** Các nhà cung cấp dịch vụ Hoa Kỳ chỉ có thể thành lập một sự hiện diện thương mại thông qua một hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với một đối tác Việt Nam. Trong vòng 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, phần vốn góp của phía Hoa Kỳ không được vượt quá 49%. Sau 5 năm, phần vốn góp của phía Hoa Kỳ không được vượt quá 51%. [Hình thức (3), trang G12-13]

Các giới hạn về đối xử quốc gia

- **Qua biên giới:** Việt Nam chưa cam kết về đối xử quốc gia đối với việc cung cấp các dịch vụ nghe nhìn qua biên giới. [Hình thức (1), trang G12]

• **Sử dụng ở nước ngoài:** Việt Nam chưa cam kết về đối xử quốc gia đối với việc sử dụng các dịch vụ nghe nhìn ở nước ngoài. [Hình thức (2), trang G12]

CÁC DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT ĐỒNG BỘ CÓ LIÊN QUAN

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Qua biên giới:** Việt Nam chưa cam kết về tiếp cận thị trường đối với việc cung cấp các dịch vụ xây dựng và kỹ thuật đồng bộ có liên quan qua biên giới. [Hình thức (1), trang G12]

• **Hiện diện thương mại:** Không được lập các chi nhánh. Trong vòng 3 năm đầu kể từ khi được thành lập và hoạt động, các xí nghiệp 100% vốn Hoa Kỳ chỉ có thể cung cấp dịch vụ cho các xí nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Các công ty Hoa Kỳ phải có đăng ký hoạt động hợp pháp tại Hoa Kỳ. [Hình thức (3), trang G12]

Các giới hạn về đối xử quốc gia

- **Qua biên giới:** Việt Nam chưa cam kết dành đối xử quốc gia đối với việc cung cấp các dịch vụ xây dựng và kỹ thuật đồng bộ có liên quan qua biên giới. [Hình thức (1), trang G13]

CÁC DỊCH VỤ PHÂN PHỐI

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Qua biên giới:** Việt Nam chưa cam kết về tiếp cận thị trường đối với việc cung cấp các dịch vụ phân phối qua biên giới. [Hình thức (1), trang G13]

- **Hiện diện thương mại:** Đối với một số sản phẩm công nghiệp, các giới hạn về tiếp cận thị trường của Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ phân phối được qui định thêm tại một Phụ lục riêng của Hiệp định. Phụ lục này cũng qui định các lộ trình loại bỏ đối với các hạn chế đó. [Hình thức (3), trang G13]

Sau 3 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, các liên doanh với các đối tác Việt Nam có thể được thành lập với phần vốn của phía Hoa Kỳ không quá 49%. Sau sáu năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, sẽ không có hạn chế đối với phần vốn của phía Hoa Kỳ trong liên doanh. [Hình thức (3), trang G13]

Sau 7 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, các công ty 100% vốn Hoa Kỳ sẽ được phép thành lập. [Hình thức (3), trang G13]

Được phép thành lập một đơn vị bán lẻ, các đơn vị bán lẻ phụ thuộc khác sẽ được xem xét theo từng trường hợp. [Hình thức (3), trang G13]

Các giới hạn về đối xử quốc gia

Qua biên giới: Việt Nam chưa cam kết về đối xử quốc gia đối với việc cung cấp các dịch vụ phân phối qua biên giới. [Hình thức (1), trang G13]

CÁC DỊCH VỤ GIÁO DỤC

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Qua biên giới:** Việt Nam chưa cam kết về tiếp cận thị trường đối với việc cung cấp các dịch vụ giáo dục qua biên giới. [Hình thức (1), trang G14]

- **Hiện diện thương mại:** Các công ty Hoa Kỳ chỉ có thể thành lập một sự hiện diện thương mại thông qua một liên doanh. Bảy năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, các trường 100% vốn đầu tư Hoa Kỳ có thể được thành lập. [Hình thức (3), trang G14]

Các giới hạn về đối xử quốc gia

- **Qua biên giới:** Việt Nam chưa cam kết về đối xử quốc gia đối với việc cung cấp các dịch vụ giáo dục qua biên giới. [Hình thức (1), trang G14]

- **Hiện diện thương mại:** Các giáo viên nước ngoài được các đơn vị giáo dục có vốn đầu tư Hoa Kỳ thuê phải có 5 năm kinh nghiệm giảng dạy và được Bộ Giáo dục Việt Nam công nhận. [Hình thức (3), trang G 14]

CÁC DỊCH VỤ BẢO HIỂM

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Qua biên giới:** Việt Nam cam kết cho phép tiếp cận thị trường về việc cung cấp qua biên giới các dịch vụ bảo hiểm cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; các dịch vụ tái bảo hiểm; các dịch vụ bảo hiểm trong vận tải quốc tế, các dịch vụ môi giới bảo hiểm và môi giới tái bảo hiểm; các dịch vụ tư vấn, giải quyết khiếu nại, và đánh giá rủi ro. [Hình thức (1), trang G 14]

- **Hiện diện thương mại:** Sau 3 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, các công ty Hoa Kỳ có thể thành lập liên doanh với các đối tác Việt Nam với điều kiện là phần vốn tham gia của phía Hoa Kỳ không vượt quá 50% vốn pháp định của liên doanh. Năm năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, các hạn chế đối với vốn góp của phía Hoa Kỳ sẽ được loại bỏ. [Hình thức (3), trang G15]

Trong thời gian 3 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, các công ty có vốn góp của Hoa Kỳ không được cung cấp các dịch vụ bảo hiểm bắt buộc đối với xe cơ giới, trong xây dựng và các loại dịch vụ bảo hiểm "bắt buộc" khác. Sau 3 năm, các liên doanh có vốn tham gia của Hoa Kỳ sẽ được phép cung cấp các loại dịch vụ bảo hiểm này, và sau 6 năm, các công ty 100% vốn Hoa Kỳ cũng sẽ được phép làm như vậy. [Hình thức (3), trang G15]

Trong vòng 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, tái bảo hiểm phải được tiến hành với Công ty Tái bảo hiểm Việt Nam với một tỷ lệ tối thiểu là 20%. [Hình thức (3), trang G15]

Các giới hạn về đối xử quốc gia

- **Hiện diện thương mại:** Đối xử quốc gia không được bảo đảm đối với việc cung cấp các dịch vụ bảo hiểm "bắt buộc" như bảo hiểm xe cơ giới và trong xây dựng. [Hình thức (3), trang G15]

NGÂN HÀNG

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Qua biên giới:** Việt Nam chưa cam kết về tiếp cận thị trường đối với các dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ có liên quan, trừ đối với các dịch vụ thông tin tài chính và các dịch vụ tư vấn, trung gian và phụ trợ khác. [Hình thức(1), trang G16]

- **Hiện diện thương mại:** Các ngân hàng Hoa Kỳ có thể thành lập các chi nhánh, liên doanh với các ngân hàng Việt Nam, các công ty thuê mua tài chính sở hữu hoàn toàn của Hoa Kỳ, hoặc các công ty thuê mua tài chính liên doanh với các đối tác Việt Nam. [Hình thức (3)(a), trang G16]

Trong vòng 3 năm đầu của Hiệp định, hình thức pháp lý duy nhất ngoài các ngân hàng và công ty thuê mua theo đó các công ty Hoa Kỳ có thể cung cấp các dịch vụ tài chính là thông qua các liên doanh với các đối tác Việt Nam. Trong vòng 9 năm đầu của Hiệp định, phân vốn góp của phía Hoa Kỳ trong các ngân hàng liên doanh chỉ được ở mức từ giữa 30% đến 49%

vốn pháp định của liên doanh. Sau 9 năm, góp vốn 100% trong các ngân hàng con sẽ được phép. [Hình thức (3)(b) và (c), trang G16]

Theo lộ trình, Việt Nam sẽ dần cho phép các chi nhánh ngân hàng Hoa Kỳ nâng trị giá tiền gửi mà các chi nhánh này có thể nhận từ các pháp nhân và thể nhân của Việt Nam tương ứng với vốn pháp định chuyển vào của mình. Kết thúc lộ trình, các chi nhánh ngân hàng Hoa Kỳ được phép hưởng đối xử quốc gia đầy đủ. [Hình thức (3)(e), trang G16 - 17]

Sau 8 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, các định chế tài chính có vốn đầu tư Hoa Kỳ sẽ được phép phát hành thẻ tín dụng trên cơ sở đối xử quốc gia. [Hình thức (3)(f), trang G17]

Trên cơ sở đối xử quốc gia, Việt Nam bảo lưu quyền hạn chế việc tham gia cổ phần của các ngân hàng Hoa Kỳ tại các ngân hàng quốc doanh Việt Nam được cổ phần hoá. [Hình thức (3)(d), trang G16]

Các giới hạn đối xử quốc gia

- **Qua biên giới:** Việt Nam chưa cam kết về đối xử quốc gia đối với việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ có liên quan qua biên giới, trừ đối với các dịch vụ thông tin tài chính và các dịch vụ tư vấn, trung gian và các dịch vụ phụ trợ khác. [Hình thức (1), trang G16]

- **Hiện diện thương mại:** Phải nộp đơn xin giấy phép để thành lập một hiện diện thương mại như một chi nhánh ngân hàng Hoa Kỳ, một ngân hàng con của Hoa Kỳ hoặc một ngân hàng liên doanh Việt Nam - Hoa Kỳ. [Hình thức (3)(a), trang G16]

Ngân hàng mẹ Hoa Kỳ phải cấp tối thiểu 15 triệu đô la Mỹ để thành lập một chi nhánh. Để được thành lập, ngân hàng liên doanh Việt Nam - Hoa Kỳ hoặc ngân hàng con của Hoa Kỳ phải có vốn tối thiểu 10 triệu đô la Mỹ. [Hình thức (3)(b) và (3)(c), trang G16]

Trong thời gian 3 năm đầu của Hiệp định, các định chế tài chính 100% vốn đầu tư Hoa Kỳ chưa được nhận thế chấp bằng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, sau 3 năm các đơn vị định chế này sẽ được phép nhận thế chấp bằng quyền sử dụng đất của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, và có thể sử dụng tài sản thế chấp hay quyền sử dụng đất để thanh khoản trong trường hợp không trả được nợ [Hình thức (3)(d), trang G16]

Việc thành lập công ty thuê mua tài chính 100% vốn Hoa Kỳ hoặc một công ty liên doanh thuê mua yêu cầu phải kinh doanh có lãi 3 năm liên tục có lãi và vốn pháp định tối thiểu 5 triệu đô la Mỹ. [Hình thức (3)(e), trang G16 - 17]

Trong 3 năm đầu của Hiệp định, Việt Nam có thể không dành đối xử quốc gia đối với quyền tiếp cận Ngân hàng Trung ương trong các hoạt động tái chiết khấu, hoán vụ và hợp đồng tỷ giá. [Hình thức (3)(f), trang G17]

CÁC DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN CÓ LIÊN QUAN

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Qua biên giới:** Việt Nam chưa cam kết về tiếp cận thị trường đối với việc cung cấp các dịch vụ chứng khoán có liên quan qua biên giới. [Hình thức (1), trang G18]

- **Hiện diện thương mại:** Các nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán phi ngân hàng của Hoa Kỳ chỉ có thể thành lập một sự hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới hình thức văn phòng đại diện. [Hình thức(3), trang G18]

Các giới hạn về đối xử quốc gia

- **Qua biên giới:** Việt Nam chưa cam kết về đối xử quốc gia đối với việc cung cấp các dịch vụ chứng khoán có liên quan qua biên giới. [Hình thức(1), trang G18]

CÁC DỊCH VỤ SỨC KHOẺ VÀ Y TẾ CÓ LIÊN QUAN

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Hiện diện thương mại:** Các nhà cung cấp dịch vụ Hoa Kỳ có thể cung cấp dịch vụ thông qua việc thành lập các đơn vị 100% vốn Hoa Kỳ, liên doanh với các đối tác Việt Nam hay thông qua các hợp đồng hợp tác kinh doanh. Vốn đầu tư tối thiểu cho một bệnh viện là 20 triệu đô la Mỹ, phòng khám đa khoa là 2 triệu đô la Mỹ, và phòng khám chuyên khoa là 1 triệu đô la Mỹ. [Hình thức(3), trang G19]

CÁC DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ LŨ HÀNH CÓ LIÊN QUAN

Các giới hạn về tiếp cận thị trường

- **Hiện diện thương mại:** Các công ty Hoa Kỳ có thể thành lập một sự hiện diện thương mại để cung cấp các dịch vụ khách sạn và nhà hàng, cùng với việc đầu tư xây dựng một khách sạn, dưới hình thức các hợp đồng hợp tác kinh doanh, thành lập các liên doanh với các đối tác Việt Nam, hay các công ty 100% vốn đầu tư Hoa Kỳ. [Hình thức(3), trang G19]

Tuy nhiên, có một số hạn chế áp dụng cho các đại lý và điều phối du lịch lữ hành. Các công ty tham gia cung cấp các dịch vụ này chỉ có thể thành lập một sự hiện diện thương mại thông qua một liên doanh với các đối tác Việt Nam. Trong thời gian ban đầu, phần góp vốn của Hoa Kỳ trong các liên doanh này bị hạn chế ở mức không vượt quá 49%. Tuy nhiên, sau 3 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, mức hạn chế sẽ là không vượt quá 51%, và sau 5 năm sau tất cả các hạn chế sẽ bị huỷ bỏ. [Hình thức (3), trang G20]

Các giới hạn về đối xử quốc gia

- **Hiện diện thương mại:** Các hướng dẫn viên du lịch trong liên doanh phải là công dân Việt Nam. Các công ty cung cấp dịch vụ có vốn đầu tư Hoa Kỳ chỉ được cung cấp các dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam. [Hình thức (3), trang G20]

CHƯƠNG IV. PHÁT TRIỂN QUAN HỆ ĐẦU TƯ(VÀ CÁC QUI ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ)

KHÁ QUÁT

Hiệp định bao gồm một tập hợp các qui định thúc đẩy đầu tư qua biên giới giữa hai lãnh thổ. Cùng với các vấn đề khác, nội dung các qui định trong Hiệp định bao gồm việc bảo đảm chế độ đối xử Tối huệ quốc (MFN) và đối xử quốc gia; nghiêm cấm hành động tước quyền sở hữu mà không thanh toán bồi thường một cách nhanh chóng, đầy đủ, và có hiệu quả; quyền lựa chọn các nhân viên quản lý cao cấp; chuyển vốn ra nước ngoài; bảo đảm sự đối xử công bằng, thỏa đáng và sự bảo hộ an toàn, đầy đủ, sự đối xử phù hợp với pháp luật tập quán quốc tế, và không áp dụng các biện pháp bất hợp lý và phân biệt đối xử; nghiêm cấm các yêu cầu về chuyển giao công nghệ và các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMs). Các Bên cũng chấp thuận việc đưa ra giải quyết bằng trọng tài giữa nhà đầu tư và một quốc gia các tranh chấp này sinh từ Hiệp định, một sự chấp thuận đầu tư hoặc một thỏa thuận đầu tư. Hai Bên bảo lưu đối với một số qui định của Hiệp định.

Các nghĩa vụ của các Bên cũng áp dụng cho một doanh nghiệp nhà nước khi doanh nghiệp này thực hiện quyền quản lý nhà nước, hành chính hoặc chức năng khác của chính quyền do chính phủ uỷ nhiệm.

CÁC NGHĨA VỤ VÀ NGUYỄN TẮC

Các khoản đầu tư được bảo hộ [Chương IV]

Các khoản đầu tư được Hiệp định bảo hộ bao gồm tất cả các đầu tư trên lãnh thổ của một Bên do các công ty hoặc công dân của bên kia sở hữu và kiểm soát, và bao gồm, cùng với những thứ khác, các công ty và doanh nghiệp, vốn góp và các quyền lợi khác trong một công ty; các quyền theo hợp đồng, tài sản hữu hình và vô hình, các quyền về sở hữu trí tuệ, và các quyền theo qui định của pháp luật bao gồm các giấy phép và sự cho phép. [Điều 1(A) - (F)]

Hiệp định được áp dụng đối với tất cả các khoản đầu tư đang tồn tại vào thời điểm Hiệp định có hiệu lực cũng như các khoản đầu tư được thành lập hoặc mua lại sau đó. [Điều 14]

Đối xử quốc gia và đối xử Tối huệ quốc [Chương IV]

Các Bên phải dành sự đối xử quốc gia hoặc đối xử Tối huệ quốc, tuỳ thuộc sự đối xử nào tốt hơn, đối với việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành, bán hoặc định đoạt bằng cách khác các khoản đầu tư theo Hiệp định. [Điều 2.1] Các doanh nghiệp Nhà nước cũng phải dành cho các khoản đầu tư đối xử quốc gia hoặc đối xử Tối huệ quốc, phụ thuộc vào một số hạn chế về giá và phí đối với các hàng hoá và dịch vụ do Chính phủ Việt Nam kiểm soát. [Điều 2.1] Các lĩnh vực ngoại lệ cụ thể đối với chế độ đối xử quốc gia và đối xử Tối huệ quốc của các Bên được qui định tại Phụ lục của Hiệp định. [Phụ lục H, đoạn 4.3]

Tiêu chuẩn chung về đối xử [Chương IV, Điều 3]

Các Bên phải dành cho các khoản đầu tư theo Hiệp định sự đối xử công bằng và thỏa đáng, sự bảo hộ an toàn và đầy đủ không kém thuận lợi hơn sự đối xử theo yêu cầu của các qui tắc áp dụng của pháp luật tập quán quốc tế. [Điều 3.1] Các Bên cũng không được áp dụng các biện pháp bất hợp lý và phân biệt đối xử để gây thương hại đối với việc quản lý, điều hành, vận hành, và bán hay định đoạt bằng cách khác các khoản đầu tư theo Hiệp định. [Điều 3.2]

Giải quyết tranh chấp [Chương IV và Chương VII]

Các Bên đồng ý cho phép các nhà đầu tư đưa các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến các chấp thuận đầu tư, hợp đồng đầu tư hoặc sự vi phạm các qui định có liên quan tới đầu tư của Hiệp định ra giải quyết tại các tòa án hoặc cơ quan tài phán địa phương, theo thủ tục giải quyết tranh chấp đã được thoả thuận từ trước, hoặc tổ chức trọng tài quốc tế. [Điều 4.1- 4.8]

Các nhà đầu tư có thể khiếu kiện các biện pháp về thuế liên quan đến một thoả thuận hoặc sự cho phép đầu tư phù hợp với tiến trình giải quyết tranh chấp của Hiệp định. [Chương VII, Điều 4.1(B)(ii)] Tuy nhiên, các nhà đầu tư không thể khiếu kiện một biện pháp về thuế với lý do rằng biện pháp này vi phạm Hiệp định theo một cách khác, trừ khi nhà đầu tư cho rằng biện pháp về thuế đó liên quan tới việc tước quyền sở hữu. [Chương VII, Điều 4.1(B)(i)] Các khiếu kiện rằng một biện pháp về thuế có liên quan tới việc tước quyền sở hữu được điều chỉnh bởi các qui định thông thường về giải quyết tranh chấp trong Hiệp định một khi một số điều kiện đặc biệt nhất định được thoả mãn. [Chương VII, Điều 4.2] Các điều kiện đặc biệt này được giải thích dưới đây, tại phần liên quan đến việc tước quyền sở hữu.

Chuyển giao công nghệ [Chương IV, Điều 7]

Các Bên không được áp đặt hoặc thi hành bất kỳ yêu cầu nào đối với việc chuyển giao công nghệ, qui trình sản xuất hoặc kiến thức thuộc quyền sở hữu khác như một điều kiện để được thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, hoặc hoạt động của một khoản đầu tư theo Hiệp định. [Điều 7] Một số ngoại lệ được áp dụng khi áp dụng các luật có hiệu lực hung về môi trường phù hợp với các qui định của Hiệp định hoặc khi tiến hành các biện pháp phù hợp với lệnh, cam kết, hoặc bảo đảm được toà án, cơ quan tài phán hành chính hay cơ quan có thẩm quyền quản lý về cạnh tranh thi hành để xử lý một vi phạm pháp luật về cạnh tranh đang bị khiếu kiện hay xét xử. [Điều 7.1 và 7.2]

Nhập cảnh, tạm trú và tuyển dụng người nước ngoài [Chương IV, Điều 8]

Phù hợp với pháp luật của các Bên về nhập cảnh và tạm trú của người nước ngoài, các nhân viên của một xí nghiệp của một Bên, là những người quản lý hoặc điều hành hay có những kiến thức đặc biệt liên quan đến hoạt động của một khoản đầu tư, có thể được lưu chuyển đến hoạt động làm việc tại lãnh thổ của Bên kia và có thể nắm giữ các vị trí quản lý cao nhất. [Điều 8.1] Các luật về lao động có thể được áp dụng, trừ khi những luật này gây phương hại đến các nghĩa vụ chung trong Hiệp định về nhập cảnh, tạm trú và tuyển dụng người nước ngoài. [Điều 8.3]

Bảo lưu các quyền [Chương IV, Điều 9]

Các khoản đầu tư theo Hiệp định có quyền được hưởng sự đối xử thuận lợi hơn sự đối xử qui định trong Hiệp định; các luật, qui định và các thủ tục hành chính, hoặc các quyết định hành chính hay tư pháp của một Bên; các nghĩa vụ pháp lý quốc tế; các nghĩa vụ do một Bên đảm nhận, bao gồm những nghĩa vụ được qui định trong một thoả thuận đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư. [Điều 9.1 - 9.3]

Tước quyền sở hữu và bồi thường thiệt hại [Chương IV và Chương VII]

Một Bên không thể tước quyền sở hữu một khoản đầu tư trừ khi tiến hành vì mục đích công cộng, theo phương thức không phân biệt đối xử, phù hợp với thủ tục luật định và các nguyên tắc chung về đối xử được mô tả như trên, và dựa trên việc thanh toán bồi thường nhanh chóng, đầy đủ và có hiệu quả. [Chương IV, Điều 10.1]

Các nhà đầu tư được phép đưa khiếu nại liên quan đến việc cho rằng một biện pháp thuế mang tính tước quyền sở hữu ra giải quyết tại một tổ chức trọng tài quốc tế. [Chương VII, Điều 4.2] Tuy nhiên, nhà đầu tư cần trước hết đưa vấn đề ra các cơ quan có thẩm quyền về thuế của cả hai Bên xem xét. Nếu trong vòng 9 tháng, các cơ quan về thuế của cả hai Bên đồng ý rằng biện pháp về thuế không liên quan đến việc mang tính tước quyền sở hữu, thì nhà đầu tư không thể đưa vấn đề ra giải quyết tại tổ chức trọng tài. [Chương VII, Điều 4.2]

Nguyên tắc đối xử Tối huệ quốc và đối xử quốc gia được áp dụng khi một Bên tiến hành các biện pháp liên quan đến các tổn thất do chiến tranh, xung đột vũ trang hoặc các sự kiện tương tự. Việc bồi thường phải được thực hiện khi các tổn thất này sinh trong thời gian xảy ra các sự kiện đó là hậu quả của việc chính phủ trưng dụng hoặc phá huỷ một cách không cần thiết toàn bộ hay một phần khoản đầu tư. [Chương IV, Điều 10.2]

Các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại [Chương IV]

Không Bên nào được áp dụng bất kỳ biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại TRIMs nào không phù hợp với Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại TRIMs của WTO. [Điều 11.1] Hiệp định đưa vào Danh mục minh họa [Phụ lục I] các biện pháp TRIMs bị cấm của Hiệp định TRIMs bao gồm, cùng với các biện pháp khác, các biện pháp như yêu cầu về tỷ lệ nội địa hoá.

Tại thời điểm Hiệp định có hiệu lực, các Bên phải loại bỏ các yêu cầu về cân bằng thương mại và kiểm soát ngoại hối đối với nhập khẩu được qui định trong Danh mục minh họa của Hiệp định TRIMs. Việt Nam đồng ý loại bỏ tất cả các biện pháp TRIMs khác trong vòng 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, hay vào ngày được yêu cầu theo qui định và điều kiện Việt Nam gia nhập WTO, tuỳ thuộc thời điểm nào sớm hơn. [Điều 11.2]

Chuyển tiền [Chương VII, Điều 1]

Việc chuyển tiền liên quan đến một khoản đầu tư theo Hiệp định sẽ được tiến hành bằng đồng đô la Mỹ hoặc bất kỳ đồng tiền nào khác có thể được Quỹ tiền tệ Quốc tế chỉ định là đồng tiền tự do sử dụng. [Chương VII, Điều 1.1] Trong mọi trường hợp, việc chuyển tiền sẽ được phép như được thoả thuận trong một chấp thuận đầu tư hoặc thoả thuận đầu tư. Các Bên dành đối xử quốc gia hoặc đối xử Tối huệ quốc, tuỳ thuộc sự đối xử nào tốt hơn, đối với mọi khoản chuyển tiền. [Chương VII, Điều 1.3]

Một Bên có thể ngăn cản một khoản chuyển tiền thông qua việc áp dụng một cách công bằng, không phân biệt đối xử và trung thực pháp luật của mình liên quan đến phá sản, mất khả năng thanh toán hoặc bảo vệ quyền của các chủ nợ, phát hành, kinh doanh, hoặc buôn bán các chứng khoán, hợp đồng kỳ hạn, quyền chọn, hoặc các sản phẩm tài chính phái sinh, các báo cáo hoặc chứng từ chuyển tiền, các tội phạm hình sự hoặc chấp hành án hình sự, hoặc bảo đảm sự tuân thủ các quyết định hoặc bản án trong tố tụng tư pháp hay hành chính. [Chương VII, Điều 1.6(A) - (E)]

CÁC BẢO LƯU CỦA VIỆT NAM [PHỤ LỤC H: VIỆT NAM]

Các bảo lưu về lĩnh vực đối với nghĩa vụ đối xử quốc gia [Phụ lục H: Việt Nam]

Trong một số lĩnh vực nhất định, Việt Nam có thể ban hành áp dụng hoặc duy trì các biện pháp không phù hợp với đối xử quốc gia.

Các lĩnh vực này là phát thanh; truyền hình; sản xuất báo chí và phân phối các sản phẩm văn hoá; đầu tư trong bảo hiểm; ngân hàng; môi giới; quan hệ mua bán trong chứng khoán và định giá tiền tệ và các dịch vụ liên quan; thăm dò và khai thác than; xây dựng, lắp đặt, vận hành và bảo trì phương tiện viễn thông; xây dựng và vận hành các cảng nội địa, cảng biển và cảng hàng không; chuyên chở hành khách bằng đường sắt, đường bộ, đường biển và đường sông nội địa; đánh bắt cá; kinh doanh bất động sản. [Phụ lục H: Việt Nam, đoạn 1]

Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa điều khoản trên với những cam kết trong Chương IV về Các quan hệ Đầu tư và Phụ lục H, các điều khoản nêu trong Phụ lục G ưu tiên áp dụng[Chương VII, Điều 6]

Các bảo lưu về đối xử quốc gia đối với các biện pháp yêu cầu phát triển nguồn nguyên liệu trong nước [Phụ lục H: Việt Nam]

Tới 5 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam có thể yêu cầu rằng các dự án đầu tư trong một số lĩnh vực nhất định phải được thực hiện cùng với việc phát triển nguồn nguyên liệu trong nước trong các lĩnh vực đó (chế biến giấy, dầu thực vật, sữa, đường mía, chế biến gỗ (trừ dự án sử dụng gỗ nhập khẩu). [Phụ lục H: Việt Nam, đoạn 2]

Bảo lưu về đối xử quốc gia đối với các biện pháp yêu cầu xuất khẩu [Phụ lục H: Việt Nam]

Tới 7 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam có thể yêu cầu rằng các dự án đầu tư trong một số lĩnh vực nhất định phải xuất khẩu tối thiểu 80% sản phẩm của mình trong một số lĩnh vực sau: sản xuất xi măng; sơn và thép xây dựng; bột tẩy rửa; lốp xe và gốm sứ; nhựa PVC và các loại nhựa khác; giày dép; quần áo; lốp và các loại săm xe ô tô và xe máy; phân bón NPK; các sản phẩm rượu; thuốc lá; giấy. (bao gồm cả giấy in, giấy viết, giấy photo) [Phụ lục H: Việt Nam, đoạn 3]

Các yêu cầu về vốn góp [Phụ lục H: Việt Nam]

Sau khi Hiệp định có hiệu lực, các nhà đầu tư Hoa Kỳ sẽ được phép góp, tăng, và tái đầu tư vốn bằng bất kỳ đồng tiền nào. [Phụ lục H: Việt Nam, đoạn 4.1(a)] Tuy nhiên, các nhà đầu tư Hoa Kỳ không được phép mua quá 30% cổ phần của một doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa. [Phụ lục H: Việt Nam, đoạn 4.1(c)] Tới 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, một số hạn chế thêm nhất định được áp dụng liên quan đến vốn góp và việc chuyển nhượng quyền lợi trong các liên doanh và các xí nghiệp sở hữu Hoa Kỳ. [Phụ lục H: Việt Nam, đoạn 4.1(b) (i)-(iii)] Các nhà đầu tư Hoa Kỳ không được phép thành lập công ty cổ phần, và một doanh nghiệp sở hữu toàn bộ hoặc một phần tại Việt Nam của các công ty hoặc công dân Hoa Kỳ không được phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu ra công chúng tại Việt Nam. [Phụ lục H: Việt Nam, đoạn 4.1(b)(iv)]

Tổ chức và quản lý liên doanh [Phụ lục H: Việt Nam]

Tới 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam có thể yêu cầu rằng Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc thứ nhất trong một liên doanh phải là công dân Việt Nam. Trong giai đoạn này, một số quyết định nhất định liên quan đến tổ chức và hoạt động của xí nghiệp sẽ được quyết định theo nguyên tắc nhất trí. [Phụ lục H: Việt Nam, đoạn 4.2(a) và 4.2(b)]

Giá và phí một số hàng hoá và dịch vụ do Nhà nước quản lý [Phụ lục H; Việt Nam]

Việt Nam sẽ loại bỏ dần các loại giá và phí phân biệt đối xử của các loại hàng hoá và dịch vụ do Nhà nước quản lý trong vòng 4 năm. [Phụ lục H: Việt Nam, đoạn 4.3 (a)-(c)]

Trợ cấp và hỗ trợ của Chính phủ [Phụ lục H: Việt Nam]

Việt Nam không phải dành cho các công dân và công ty của Chính phủ Hoa Kỳ các trợ cấp và hỗ trợ được dành cho các xí nghiệp trong nước, bao gồm việc giao đất cho các dự án đầu tư, các khoản tín dụng ưu đãi, các chương trình hỗ trợ nghiên cứu - phát triển và giáo dục và các hình thức hỗ trợ khác của Chính phủ. [Phụ lục H: Việt Nam, đoạn 4.4]

Sở hữu, sử dụng đất đai và nhà ở [Phụ lục H: Việt Nam]

Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành thế chấp và chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Các nhà đầu tư Hoa Kỳ có thể thuê đất nhằm mục đích đầu tư nhưng không được sở hữu đất đai và nhà ở. Thêm nữa, tới 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, các nhà đầu tư Hoa Kỳ không được phép thế chấp quyền sử dụng đất tại các tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam cũng như chuyển nhượng quyền sử dụng đất trừ trường hợp chuyển nhượng tài sản đầu tư gắn với đất thuê trong thời hạn thuê đất. [Phụ lục H: Việt Nam, đoạn 4.5 và 4.6]

Chế độ thẩm định cấp giấy phép đầu tư [Thư trao đổi]

Việt Nam có thể duy trì chế độ thẩm định cấp giấy phép đầu tư trong một số lĩnh vực, bao gồm, cùng với các lĩnh vực khác, phát thanh, truyền hình, các dịch vụ vận tải, xây dựng và vận hành cảng sông, cảng biển và cảng hàng không, một số dịch vụ tài chính nhất định, xây dựng, lắp đặt và bảo trì các phương tiện viễn thông, kinh doanh bất động sản, và một số dự án phát triển cơ sở hạ tầng. [Thư trao đổi, đoạn 1(a)] Phụ thuộc vào qui mô của dự án, Việt Nam có thể duy trì chế độ thẩm định đối với các dự án thuộc ngành điện lực, khai khoáng, luyện kim, xi măng, hoá chất, và nông nghiệp. [Đoạn 1(b)]

Chế độ đăng ký cấp giấy phép đầu tư [Thư trao đổi]

Sau hai đến chín năm Việt Nam sẽ áp dụng chế độ đăng ký cấp giấy phép đầu tư trong hầu hết các lĩnh vực để thay thế chế độ thẩm định cấp phép đầu tư hiện nay. [Thư trao đổi, đoạn 2(a) - (c)]

Với một số ngoại lệ nhất định, các nhà đầu tư Hoa Kỳ sẽ được phép lựa chọn các đối tác sở tại của mình và địa điểm, hình thức, và tỷ lệ đầu tư, và quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động của đầu tư đó, phù hợp với các luật và qui định được áp dụng chung của Việt Nam. [Thư trao đổi, đoạn 5(c)]

Chế độ đăng ký sẽ được thực hiện trên cơ sở đối xử quốc gia và đối xử Tối huệ quốc. [Thư trao đổi, đoạn 5 (d)]

Đơn xin cấp giấy phép đầu tư [Thư trao đổi]

Các nhà đầu tư Hoa Kỳ nộp đơn xin cấp giấy phép đầu tư được hưởng sự đối xử Tối huệ quốc. [Thư trao đổi, đoạn 3(a)] Thêm nữa, các tiêu chí cấp phép sẽ minh bạch rõ ràng. [Thư trao đổi, đoạn 3(b)] Với một số ngoại lệ nhất định, việc cấp phép không được thực hiện đi đôi với điều kiện về lựa chọn đối tác địa phương hoặc sắp xếp địa điểm sản xuất hay các phương tiện khác tại một địa phương nhất định, và không được thiết kế để can ngăn hoặc cấm đầu tư vào một lĩnh vực nhất định. [Thư trao đổi, Đoạn 3(e)]

Đối với các lĩnh vực không thuộc sự điều chỉnh của chế độ thẩm định hoặc đăng ký, trong vòng 6 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam sẽ áp dụng các yêu cầu và thủ tục cấp phép trên cơ sở đối xử quốc gia. [Đoạn 4(a)-(b)]

CÁC BẢO LƯU CỦA HOA KỲ [PHỤ LỤC H; HOA KỲ]

Trong một số lĩnh vực nhất định, Hoa Kỳ có thể ban hành hoặc duy trì các biện pháp không phù hợp với đối xử quốc gia. Các lĩnh vực này bao gồm, cùng với các lĩnh vực khác, năng lượng nguyên tử, môi giới hải quan, cấp giấy phép cho hoạt động truyền thông quảng bá, các trợ cấp hoặc hỗ trợ, lắp đặt cáp ngầm dưới biển, và một số biện pháp nhất định của bang hoặc địa phương. [Đoạn 1]

Trong một số lĩnh vực nhất định, Hoa Kỳ tiến hành bảo lưu cả đối xử quốc gia và Tối huệ quốc. Các lĩnh vực này bao gồm, cùng với các lĩnh vực khác, thuỷ sản, vận tải hàng không và vận tải biển, các dịch vụ tài chính, cho thuê quyền khai thác khoáng sản và quyền lắp đặt đường ống đi qua đất của Chính phủ, và một số hoạt động truyền tín hiệu vệ tinh nhất định. [Đoạn 2]

CÁC QUI ĐỊNH KHÁC

Các Bên thoả thuận nỗ lực đàm phán một hiệp định đầu tư song biên với tinh thần thiện chí trong một thời hạn hợp lý nhất định. [Chương IV, Điều 13]

CHƯƠNG V. TẠO THUẬN LỢI CHO KINH DOANH

KHÁ QUÁT

Chương V. Tạo thuận lợi cho kinh doanh của Hiệp định bao gồm một tập hợp các cam kết phát triển quan hệ đầu tư và tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh đối với hàng hoá và dịch vụ. Các cam kết này thúc đẩy việc tạo ra các cơ hội kinh doanh có giá trị cho các công ty và nhà đầu tư Hoa Kỳ và Việt Nam quan tâm đến thị trường của nhau. Cả hai quốc gia đồng ý cho phép các hoạt động như quảng cáo, nghiên cứu thăm dò thị trường, và bán trực tiếp hàng hoá sản phẩm đến người tiêu dùng. Tương tự như vậy, cùng với các vấn đề khác, các đơn vị kinh doanh có thể nhập khẩu các thiết bị văn phòng, dự trữ hàng mẫu và phụ tùng thay thế, và tiếp cận các tiện ích công cộng.

CÁC NGUYÊN TẮC VÀ NGHĨA VỤ

Quyền nhập khẩu các thiết bị văn phòng để sử dụng [Chương V, Điều 1(A)]

Các công ty và công dân Hoa Kỳ có thể nhập khẩu vào Việt Nam các thiết bị được sử dụng cho hoạt động kinh doanh của mình tại Việt Nam, như máy chữ, máy vi tính, máy photocopy, và máy fax. Tương tự như vậy, các công ty và công dân Việt Nam có thể nhập khẩu các thiết bị như vậy vào Hoa Kỳ.

Tiếp cận nơi làm việc và nơi ở [Chương V, Điều 1(B)]

Các Bên cho phép tiếp cận và sử dụng nơi làm việc và nơi ở trên cơ sở không phân biệt đối xử và theo giá thị trường. Cam kết này không ảnh hưởng đến các qui định về nhập cảnh hoặc thủ tục điều chỉnh hoạt động của các cơ quan đại diện nước ngoài.

Quyền thuê các đại lý, nhà tư vấn và phân phối [Chương V, Điều 1(C)]

Các Bên cho các đơn vị kinh doanh tư nhân được quyền thuê các đại lý, nhà tư vấn, và phân phối theo giá thị trường. Cam kết này không ảnh hưởng đến các qui định về nhập cảnh hoặc thủ tục điều chỉnh hoạt động của các cơ quan đại diện nước ngoài.

Quyền quảng cáo các sản phẩm và dịch vụ [Chương V, Điều 1(D)]

Các Bên đồng ý cho phép nhiều hình thức quảng cáo hàng hoá và dịch vụ, như đài truyền hình, đài phát thanh, ấn phẩm và bảng hiệu, và sử dụng các phong bì thư và bưu thiếp đã được ghi sẵn địa chỉ gửi đến.

Liên hệ và bán trực tiếp [Chương V, Điều 1(E)]

Việt Nam khuyến khích việc liên hệ trực tiếp và cho phép việc bán hàng giữa các đơn vị kinh doanh Hoa Kỳ với người tiêu dùng Việt Nam cũng như với các cơ quan và tổ chức mà quyết định của họ sẽ ảnh hưởng đến khả năng bán hàng. Hoa Kỳ cũng sẽ thực hiện tương tự như vậy đối với các đơn vị kinh doanh Việt Nam.

Nghiên cứu thị trường [Chương V, Điều 1(F)]

Các đơn vị kinh doanh có thể tiến hành nghiên cứu thị trường, một cách trực tiếp hay thông qua hợp đồng dịch vụ.

Dự trữ hàng mẫu và phụ tùng thay thế [Chương V, Điều 1(G)]

Các đơn vị kinh doanh có thể dự trữ đầy đủ hàng mẫu và phụ tùng thay thế phục vụ dịch vụ sau bán hàng hoặc các sản phẩm của đầu tư theo Hiệp định.

Tiếp cận một cách không phân biệt đối xử các sản phẩm và dịch vụ do Chính phủ cung cấp [Chương V, Điều 1(H)]

Các Bên phải bảo đảm sự tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ do chính phủ cung cấp, kể cả các tiện ích công cộng, trên cơ sở không phân biệt đối xử và theo giá cả không cao hơn giá cả áp dụng cho các công dân và công ty của các nước thứ ba, khi các giá cả đó được qui định hoặc kiểm soát bởi chính phủ.

Không phân biệt đối xử [Chương V, Điều 2]

Cũng như tại các chương khác, các Bên phải dành đối xử quốc gia hoặc đối xử Tối huệ quốc tùy thuộc sự đối xử nào tốt hơn đối với việc tiếp cận và sử dụng nơi làm việc, nơi ở, và các sản phẩm và dịch vụ do chính phủ cung cấp.

Việc áp dụng với các Chương khác [Chương V, Điều 3]

Trong nhiều trường hợp, chương này bổ xung các cam kết của các chương khác của Hiệp định. Tuy nhiên, trong trường hợp có xung đột giữa các cam kết của chương này với chương thương mại hàng hoá, chương thương mại dịch vụ, hoặc chương phát triển quan hệ đầu tư, các qui định của các chương đó sẽ được áp dụng.

CHƯƠNG VI. CÁC QUI ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN TÍ NH MINH BẠCH, CÔNG KHAI VÀ QUYỀN KHIẾU KIỆN.

KHÁ QUÁT

Các Bên thoả thuận công bố tất cả các luật, qui định, và thủ tục hành chính có tính áp dụng chung và các Bên chỉ thi hành các biện pháp đã được công bố, ở mức độ có thể, các Bên cho phép công chúng đóng góp ý kiến đối với việc xây dựng các biện pháp qui định đó. Thêm nữa, các Bên bảo đảm việc tiếp cận dữ liệu về kinh tế thương mại, và các Bên chỉ thi hành các biện pháp đã được công bố. Để thực hiện yêu cầu này, các Bên chỉ định một số tạp chí chính thức đăng tất cả các biện pháp có tính áp dụng chung và điều hành các biện pháp đó một cách thống nhất, vô tư và hợp lý. Đồng thời, các Bên duy trì các cơ quan tài phán hành chính và tư pháp nhằm xem xét một cách nhanh chóng các quyết định hành chính liên quan đến Hiệp định, và các Bên cho phép quyền khiếu kiện các quyết định bất lợi. Cuối cùng, các Bên đồng ý bảo đảm rằng tất cả các thủ tục cấp phép nhập khẩu được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực được quốc tế công nhận của Hiệp định về Thủ tục Cấp phép Nhập khẩu của WTO. Tóm lại, Hiệp định dựa trên các nghĩa vụ của các nước thành viên WTO về các luật lệ, qui định, và thủ tục hành chính minh bạch công khai rõ ràng, từ đó củng cố khả năng có thể dự đoán trước và thúc đẩy hoạt động thương mại.

CÁC NGUYÊN TẮC VÀ NGHĨA VỤ

Công bố các luật, qui định và thủ tục hành chính [Chương VI, Điều 1]

Trước khi thực hiện, các Bên phải công bố tất cả các biện pháp qui định và chỉ định một đơn vị trả lời các câu hỏi liên quan đến một biện pháp bất kỳ hoặc một biện pháp được đề xuất. Cam kết này yêu cầu các Bên công bố thông tin để các đơn vị kinh doanh có thời gian để có thể làm quen với một biện pháp qui định mới trước khi thực hiện, và việc công bố phải bao gồm những chi tiết quan trọng như ngày có hiệu lực của biện pháp, sản phẩm hoặc dịch vụ chịu tác động, và các cơ quan xét duyệt hoặc phải được tham vấn trong tiến trình thực thi biện pháp đó.

Tiếp cận các dữ liệu kinh tế, thương mại và các dữ liệu khác [Chương VI, Điều 2]

Các Bên cam kết bảo đảm sự tiếp cận các dữ liệu của nền kinh tế quốc dân và từng lĩnh vực, nhưng không phải tiết lộ các thông tin bí mật mà việc tiết lộ chúng có thể làm hại đến nỗ lực thi hành pháp luật, đi ngược lại lợi ích công cộng, hoặc phương hại các quyền lợi thương mại. Các thông tin bí mật là các thông tin đặc thù liên quan đến việc nhập khẩu một sản phẩm mà sẽ có ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến giá cả hoặc số lượng săn có của sản phẩm đó, nhưng không bao gồm những thông tin mà WTO yêu cầu các nước thành viên phải công bố.

Đóng góp ý kiến của công chúng [Chương VI, Điều 3]

Tại mức độ có thể, các Bên cho phép cơ hội đóng góp ý kiến đối với biện pháp qui định bất kỳ có thể ảnh hưởng đến việc tiến hành các hoạt động kinh doanh.

Đăng các luật chưa được công bố [Chương VI, Điều 4]

Các Bên thoả thuận công bố tất cả các luật chưa có sẵn cho công chúng, và đồng ý không thi hành những luật cho đến khi chúng được công bố.

Chỉ định tạp chí chính thức [Chương VI, Điều 5]

Các Bên phải công bố một cách định kỳ, tất cả các luật, qui định và thủ tục hành chính tại một tạp chí chính thức và có sẵn tạp chí này cho công chúng.

Điều hành Quản lý [Chương VI, Điều 6]

Các Bên phải áp dụng tất cả các luật, qui định, và thủ tục hành chính một cách thống nhất, vô tư và hợp lý.

Xem xét lại về hành chính và quyền khiếu kiện [Chương VI, Điều 7]

Các Bên thoả thuận xem xét và sửa đổi nhanh chóng các quyết định hành chính và bảo đảm cho các đơn vị có quyền khiếu kiện một quyết định hành chính ra toà án để xem xét lại. Khi đã khiếu kiện ra toà, quyết định phải được làm bằng văn bản và Bên đó phải thông báo về khả năng được khiếu kiện tiếp.

Các thủ tục cấp phép nhập khẩu [Chương VI, Điều 8]

Các thủ tục cấp phép nhập khẩu tự động lẫn không tự động, phải được thực hiện theo cách thức minh bạch và có thể dự đoán trước được. Theo sát các qui định của Hiệp định WTO về Thủ tục Cấp phép Nhập khẩu, các Bên thoả thuận rằng các biện pháp qui định của mình sẽ tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế. Cùng với các qui định khác, điều đó có nghĩa là cam kết quy định không quá nặng nề về hành chính hơn mức cần thiết để điều hành biện pháp qui định, công bố đầy đủ thông tin để các thương nhân hiểu làm thế nào để nhận được giấy phép, và bảo đảm rằng thời hạn có hiệu lực của giấy phép là khoảng thời gian hợp lý và không quá ngắn để loại trừ việc nhập khẩu.

CHƯƠNG VII. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

KHÁ QUÁT

Những điều khoản chung liên quan đến các vấn đề áp dụng cho tất cả các chương của Hiệp định, như các giao dịch và chuyển tiền qua biên giới, các qui định về an ninh quốc gia, các ngoại lệ chung, thuế, thời hạn của Hiệp định, và thực thi hiệp định.

CÁC NGUYÊN TẮC VÀ NGHĨA VỤ

Các giao dịch và chuyển tiền qua biên giới [Chương VII, Điều 1]

Trừ khi các bên trong một giao dịch thoả thuận khác đi, tất cả mọi giao dịch được tiến hành bằng đồng Đô la Mỹ hoặc bất kỳ đồng tiền tự do sử dụng nào khác. [Chương VII, Điều 1.1] Đối với tất cả các khoản chuyển tiền vào và ra khỏi một Bên, chế độ không phân biệt đối xử sẽ được áp dụng. [Chương VII, Điều 1.2] Các khoản chuyển tiền này bao gồm các khoản vốn góp, các khoản tiền thu được từ việc bán một phần hoặc toàn bộ đầu tư, các loại phí như tiền lãi hoặc phí bản quyền, các khoản thanh toán theo hợp đồng, hoặc các khoản bồi thường do tước quyền sở hữu, các thiệt hại chiến tranh, hoặc một tranh chấp đầu tư. [Chương VII, Điều 1.3(A)-(E)] Đối xử quốc gia và đối xử Tối huệ quốc sẽ được áp dụng đối với việc mở và duy trì các tài khoản bằng ngoại tệ và bản tệ, và tiếp cận với tiền gửi của mình trong các định chế tài chính. Ngoài ra, không phân biệt đối xử được áp dụng đối với các khoản thanh toán, chuyển trả tiền, tỷ giá hối đoái, và các vấn đề liên quan, bao gồm cả việc tiếp cận các đồng tiền tự do sử dụng. [Chương VII, Điều 1.2(A)-(B)] Các Bên thoả thuận tuân thủ các nghĩa vụ đối với Quỹ Tiền tệ Quốc tế đối với các giao dịch và chuyển tiền qua biên giới, và các Bên cho phép thu nhập bằng hiện vật khi được thoả thuận bằng văn b[Ch [Chương VII, Điều 1.4 và 1.5] Một Bên có thể ngăn cản một khoản chuyển tiền nếu khoản chuyển tiền này mâu thuẫn với các qui định về phá sản, chứng khoán, hoặc yêu cầu báo cáo của Bên đó hoặc liên quan đến một tội phạm hình sự hay vi phạm các quyết định tư pháp. [Chương VII, Điều 1.6] Tương tự như vậy, một Bên có thể yêu cầu tuân thủ các thủ tục tập quán ngân hàng, các biện pháp nhằm bảo vệ các quyền của chủ nợ, và các qui định khác để bảo đảm sự ổn định của hệ thống tài chính quốc gia. [Chương VII, Điều 1.7(A) và 1.7(B)]

An ninh quốc gia [Chương VII, Điều 2]

Một Bên có thể tiến hành các biện pháp được coi là cần thiết để bảo vệ các lợi ích an ninh thiết yếu của mình.

Các ngoại lệ chung [Chương VII, Điều 3]

Các qui định được xây dựng theo như các ngoại lệ trong Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ (GATS), Hiệp định về các Khía cạnh Liên quan đến Thương mại của Quyền Sở hữu Trí tuệ (TRIPS), và Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT 1994) của WTO, và nhìn chung không ngăn cản các biện pháp qui định trong việc tuân thủ các Hiệp định này. [Chương VII, Điều 3.1(A)-(C)] Tương tự như vậy, các qui định này không ngăn cản một Bên áp dụng các luật của mình liên quan đến các cơ quan đại diện nước ngoài, [Chương VII, Điều 3.2] và không có qui định nào trong Hiệp định hạn chế việc áp dụng bất kỳ hiệp định nào hiện có hay sẽ đạt được trong tương lai giữa các Bên về thương mại hàng dệt và sản phẩm dệt. [Chương VII, Điều 3.3]

Thuế [Chương VII, Điều 4]

Trừ khi được qui định tại chương Thương mại hàng hoá hoặc chương Phát triển Quan hệ Đầu tư, Hiệp định không áp đặt bất kỳ các nghĩa vụ nào đối với các vấn đề về thuế. [Chương VII, Điều 4.1] Tại chương Thương mại Hàng hoá, với việc loại trừ yêu cầu dành đối xử quốc gia đối với các biện pháp thuế quan và phi thuế quan, các cam kết liên quan đến các vấn đề thuế không áp dụng đối với các loại thuế trực thu, như các loại thuế đánh vào tổng thu nhập, thừa kế, tiền lương, hoặc giá trị tăng thêm của vốn. [Chương VII, Điều 4.1(A)] Trong chương về đầu tư, một bên của một thỏa thuận hoặc chấp thuận đầu tư có thể đưa một khiếu kiện về thuế ra giải quyết tranh chấp. [Chương VII, Điều 4.1(B)] Nếu khiếu kiện liên quan đến việc tước quyền sở hữu, nhà đầu tư có thể đưa tranh chấp ra giải quyết bằng trọng tài, với điều kiện là các Bên không thỏa thuận được rằng liệu biện pháp về thuế có liên quan đến việc tước quyền sở hữu hay không. [Chương VII, Điều 4.2]

Tham vấn [Chương VII, Điều 5]

Các Bên tiến hành tham vấn một cách định kỳ về việc thực hiện Hiệp định và tiến hành tham vấn một cách nhanh chóng theo yêu cầu của một trong hai Bên để thảo luận các vấn đề liên quan đến việc giải thích hoặc thực thi Hiệp định. [Chương VII, Điều 5.1 và 5.2] Với mục đích này, các Bên thành lập Uỷ ban Hỗn hợp về Phát triển Quan hệ Kinh tế và Thương mại. Uỷ ban sẽ theo dõi việc thực hiện Hiệp định, bảo đảm một sự cân bằng thoả đáng về các thoả nhượng sẽ được duy trì, và là kênh thích hợp để tham vấn thảo luận các vấn đề liên quan đến Hiệp định và nâng cao và đa dạng hoá các quan hệ kinh tế và thương mại giữa hai nước. [Chương VII, Điều 5.3] Uỷ ban sẽ có các đồng chủ tịch là đại diện của các Bên ở cấp Bộ trưởng và các thành viên khác sẽ được lựa chọn từ các cơ quan chịu trách nhiệm thực thi Hiệp định. Uỷ ban sẽ họp định kỳ hàng năm hoặc khi cần thiết theo đề xuất của một trong hai Bên. [Chương VII, Điều 5.4]

Xử lý trong trường hợp xung đột [Chương VII, Điều 6]

Trong Phụ lục H, Việt Nam bảo lưu quyền ban hành hoặc duy trì các ngoại lệ về đối xử quốc gia trong lĩnh vực đầu tư. Phụ lục này áp dụng cho một đầu tư bất kỳ trong một lĩnh vực dịch vụ mà không được chỉ rõ trong bảng cam kết về dịch vụ của Việt Nam, được gọi là Phụ lục G. Trong trường hợp có xung đột giữa một qui định tại Phụ lục H hoặc các Thư về Cấp phép Đầu tư và một qui định tại Phụ lục G, thì qui định của Phụ lục G sẽ được áp dụng cho xung đột đó. [Chương VII, Điều 6]

Các Phụ lục, Bảng cam kết, và Thư về Cấp phép Đầu tư [Chương VII, Điều 7]

Các Phụ lục, Bảng cam kết, và Thư về Cấp phép Đầu tư có hiệu lực và giá trị pháp lý như bất kỳ bộ phận nào khác của Hiệp định. [Chương VII, Điều 7]

Điều khoản cuối cùng, Hiệu lực, Thời hạn, Đình chỉ, và Kết thúc [Chương VII, Điều 8]

Hiệp định có hiệu lực vào ngày hai nước trao đổi thư thông báo và hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để đưa Hiệp định vào hiệu lực. [Chương VII, Điều 8.1] Hiệp định có hiệu lực trong vòng 3 năm và được gia hạn tiếp tục 3 năm một, trừ khi một Bên thông báo cho Bên kia, ít nhất 30 ngày trước khi Hiệp định hết hiệu lực, ý định chấm dứt Hiệp định của mình. [Chương VII, Điều 8.2] Nếu một Bên không có thẩm quyền pháp lý trong nước để thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hiệp định này, thì một trong hai Bên có thể đình chỉ áp dụng toàn bộ Hiệp định này, hoặc, với sự đồng ý của Bên kia, một bộ phận của Hiệp định, kể cả đối xử Tối huệ quốc. Trong trường hợp đó, cả hai Bên sẽ tìm cách, ở mức độ tối đa có thể theo pháp luật trong nước, để giảm đến mức tối thiểu những tác động bất lợi đối với quan hệ thương mại sẵn có giữa hai nước. [Chương VII, Điều 8.3]